



THE WAVEMAKERS

DẪN NHỊP SÓNG - ĐÓN TƯƠNG LAI

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2021



04

Thông điệp CT

06

Tổng quan DNSE

16

Ấn tượng 2021

18

Báo cáo của BGD về
KQKD 2021

Đánh giá thị trường & triển vọng thị trường 2022

Kết quả kinh doanh 2021

Nguồn vốn & Tài chính

Hoạt động môi giới chứng khoán

Phát triển sản phẩm (tài chính & công nghệ)

42

Chiến lược phát triển 2022

Tầm nhìn phát triển

Mục tiêu kinh doanh

50

Quản trị doanh nghiệp

Báo cáo của HĐQT 2021

Báo cáo BKS

Hoạt động Quản trị rủi ro

Thông tin Cổ đông

64

Phát triển bền vững

Phát triển nhân lực

Trách nhiệm xã hội

70

Báo cáo tài chính

“DNSE sẽ kiên định với dịch vụ chứng khoán số và mô hình Freemium để tiếp cận đến nhiều nhà đầu tư hơn, góp phần kết nối nguồn vốn, thực thi sứ mệnh đơn giản hoá đầu tư cho người Việt”



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông,

Trước tiên, thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý Cổ đông đã ủng hộ Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam).

Trong năm 2021 Thị trường chứng khoán Việt Nam đã chứng kiến một bước tăng trưởng đột phá và nhảy vọt của thanh khoản và sự tham gia của nhà đầu tư. Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới trong năm 2021 nói riêng đã bằng 5 năm liền trước cộng lại. Sau khi tiếp quản lại DNSE vào năm 2020, chúng tôi đã nhanh chóng triển khai định hướng số hoá và phát triển mạnh mẽ dịch vụ cho các nhà đầu tư cá nhân. Chúng tôi tin rằng tầm nhìn đến năm 2025, đầu tư chứng khoán ở Việt Nam sẽ phát triển vượt bậc, tiếp cận đến 10% dân số.

Đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến khó lường, xuất hiện nhiều chủng mới, kéo dài thời gian giãn cách xã hội. Chính tác động này đã thúc đẩy quá trình tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính trực tuyến của nhà đầu tư Việt Nam nhanh hơn chúng tôi dự báo. Trong năm 2021, số lượng khách hàng của DNSE đã tăng gấp gần 10 lần. Dịch vụ Entrade X non trẻ của DNSE được đón nhận tích cực bởi các nhà đầu tư cá nhân của Việt Nam. Định hướng dịch vụ Freemium đã mang lại lợi nhuận ngay năm đầu tiên triển khai dù chúng tôi là người đi sau khi thị trường đã có những đơn vị nước ngoài quy mô lớn cũng đang thực hiện mô hình giao dịch chứng khoán miễn phí.

Về nguồn vốn, chúng tôi cũng thực hiện thành công tăng vốn điều lệ DNSE lên 1,000 tỷ trong năm vừa qua. Đây là bước đệm cho việc phát triển bền vững của DNSE về vốn, năng lực quản trị và năng lực cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư. Ngoài ra, chuyển đổi số và năng lực phân tích dữ liệu là một trong các lợi thế chúng tôi muốn xây dựng tại DNSE để hướng tới 90% các nhà đầu tư Việt Nam hiện đang chưa được người

môi giới phục vụ. Do vậy trong năm 2022 và các năm tiếp theo, DNSE sẽ tiếp tục thực hiện cải tiến dịch vụ, nâng cao sức mạnh tài chính và đẩy mạnh các sản phẩm dịch vụ đầu tư mới tiện ích hơn, chi phí hợp lý hơn.

Năm 2022, chúng tôi tin rằng sẽ là một năm bản lề để khẳng định vị trí của DNSE trong dịch vụ khách hàng. Chúng tôi kiên định với dịch vụ chứng khoán số và mô hình Freemium của mình để tiếp cận được đến nhiều nhà đầu tư Việt Nam hơn. Tôi tin tưởng với sự đầu tư bài bản, mô hình tiên phong đúng đắn, dịch vụ của DNSE sẽ góp phần kết nối nguồn vốn, thực thi sứ mệnh đơn giản hoá đầu tư cho người Việt.

Xin cảm ơn các Quý Cổ đông, Quý Khách hàng đã luôn luôn ủng hộ và hỗ trợ DNSE. Xin kính chúc Quý vị luôn nhiều sức khỏe, hạnh phúc và đầu tư hiệu quả.

Trân trọng,

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Hoàng Giang

Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

DNSE là công ty đầu tư, kinh doanh, môi giới chứng khoán; đặt trọng tâm vào việc **kết nối nguồn vốn thông qua công nghệ**, với mục tiêu dẫn dắt thị trường chứng khoán số tại Việt Nam.

Sứ mệnh

“Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt” thông qua việc ứng dụng công nghệ hiện đại, trí tuệ nhân tạo vào các sản phẩm tài chính, nâng tầm trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa hiệu quả đầu tư.

Giá trị cốt lõi



Lịch sử phát triển

2007

Chứng khoán Đại Nam (tiền thân của Chứng khoán DNSE) được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 62/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/10/2007 với vốn điều lệ ban đầu là 38 tỷ đồng

2007

Trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

2008

DNSE trở thành thành viên Sở GDCK Hà Nội và Sở GDCK Tp Hồ Chí Minh

2009

Thành lập Chi nhánh TP Hồ Chí Minh tại 117/119/121 Nguyễn Du, Q1, TP Hồ Chí Minh, mở rộng địa bàn kinh doanh. Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở GDCK Tp Hồ Chí Minh. Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng.

2010

Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở GDCK Hà Nội

2011

Công ty tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 75 tỷ đồng

2012

Công ty chuyển trụ sở chính về 21 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Tp Hà Nội

2014

Công ty chuyển trụ sở chính về Tầng 12A, Center Building Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Tp Hà Nội

2015

Công ty tăng vốn điều lệ lên 160 tỷ đồng

2017

Công ty chuyển trụ sở chính về Tầng 5 Tòa nhà HACC1 Complex Building số 35 Lê Văn Lương, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Trở thành Công ty đại chúng.

2021

Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE, tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.

Liên tiếp ra mắt nền tảng mới, nâng cấp tính năng sản phẩm, giúp thị phần, số lượng tài khoản chứng khoán và dư nợ đều bứt phá tăng trưởng 3 con số.

2020

Trở thành Công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital.

Ra mắt app giao dịch chứng khoán cơ sở Entrade X Ra mắt dịch vụ chuyển tiền tự động Virtual Account, trở thành Công ty Chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam áp dụng công nghệ số tài khoản định danh chứng khoán, khẳng định vị thế dẫn đầu về mặt công nghệ trên thị trường, đặt mục tiêu đem đến trải nghiệm nộp rút tiền của khách hàng dễ dàng với thời gian xử lý tính bằng giây.

Ngành nghề kinh doanh



MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN



LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN



TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN



TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN



BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN



Hà Nội

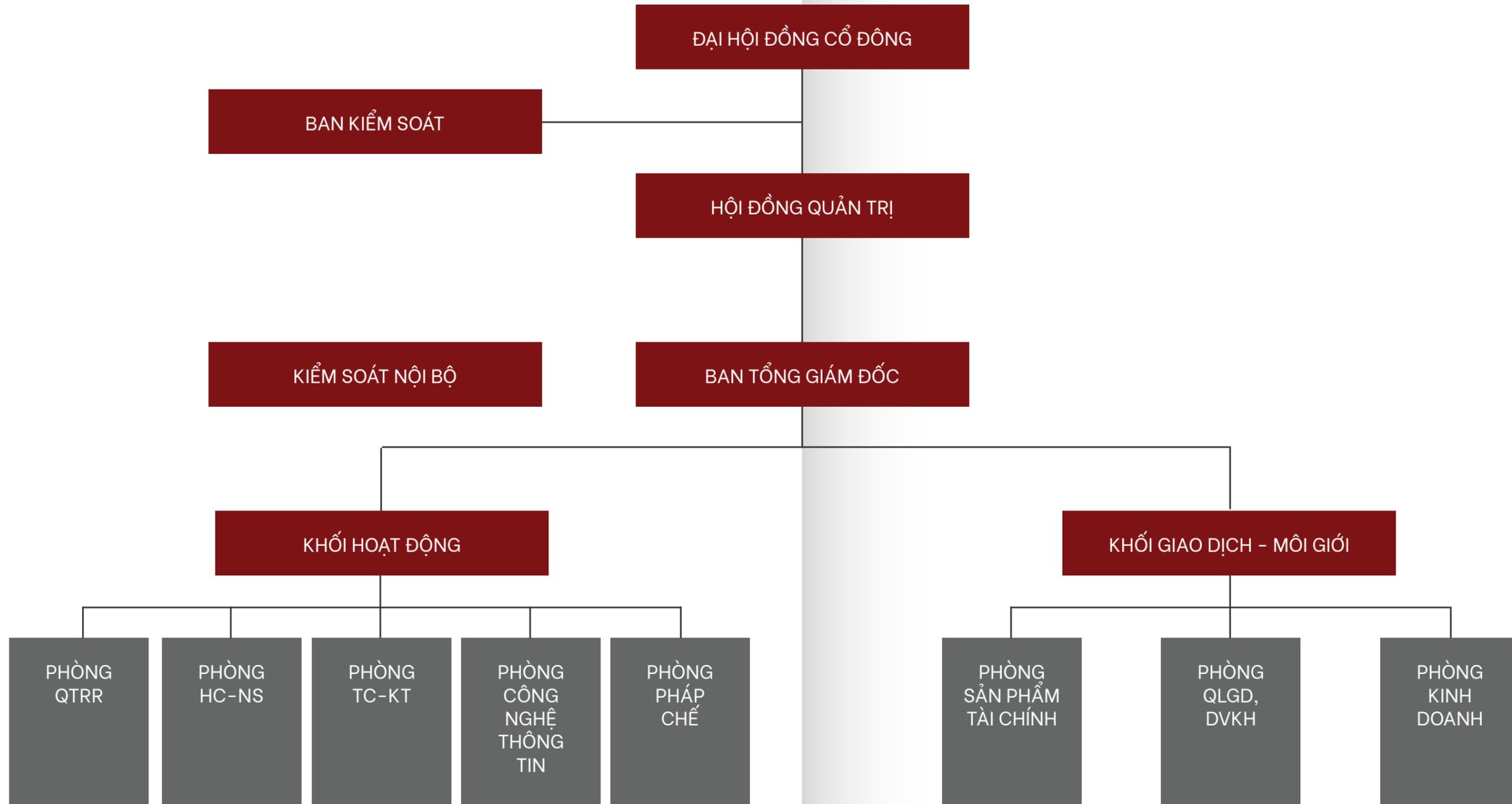
Trụ Sở Chính: Tầng 6 - Tòa nhà Pax Sky,
Số 63- 65 Ngô Thì Nhậm, Phường Phạm
Đình Hồ, Q. Hai Bà Trưng

TP. HỒ CHI MINH

Tầng 3, Tòa nhà DAG Holdings, số
87A Hàm Nghi, Phường Nguyễn
Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ
Chí Minh.

Địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức





Ông
NGUYỄN HOÀNG GIANG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Hoàng Giang giữ vị trí Chủ tịch HĐQT từ tháng 07/2020 đến nay. Trước khi gia nhập DNSE, ông Nguyễn Hoàng Giang đã có 10 năm công tác tại CTCP Chứng khoán VNDirect; trong đó ông giữ vị trí Tổng Giám đốc trong giai đoạn 2010 - 2018. Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Toán kinh tế, Khoa học máy tính, trường Đại học Nebraska và Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Đại học Chicago, Mỹ. Năm 2016, ông Nguyễn Hoàng Giang vinh dự nhận Bằng khen “Cá nhân tiêu biểu” do Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh trao tặng và đồng thời trở thành một trong 30 gương mặt nổi bật nhất Việt Nam ở độ tuổi dưới 30 do Tạp chí Forbes bầu chọn.



Ông
LÊ ANH TUẤN
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Anh Tuấn giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 07/2020 đến nay. Ông Lê Anh Tuấn có 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán. Ông sở hữu kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán, trải qua nhiều vị trí tại các Tập đoàn/Công ty tài chính trong và ngoài nước như KPMG Việt Nam, Chứng khoán Sài Gòn. Trước khi gia nhập DNSE, ông Lê Anh Tuấn đã có nhiều năm đảm nhiệm các vị trí quan trọng tại CTCP Chứng khoán VNDirect như Phó Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân, Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh.

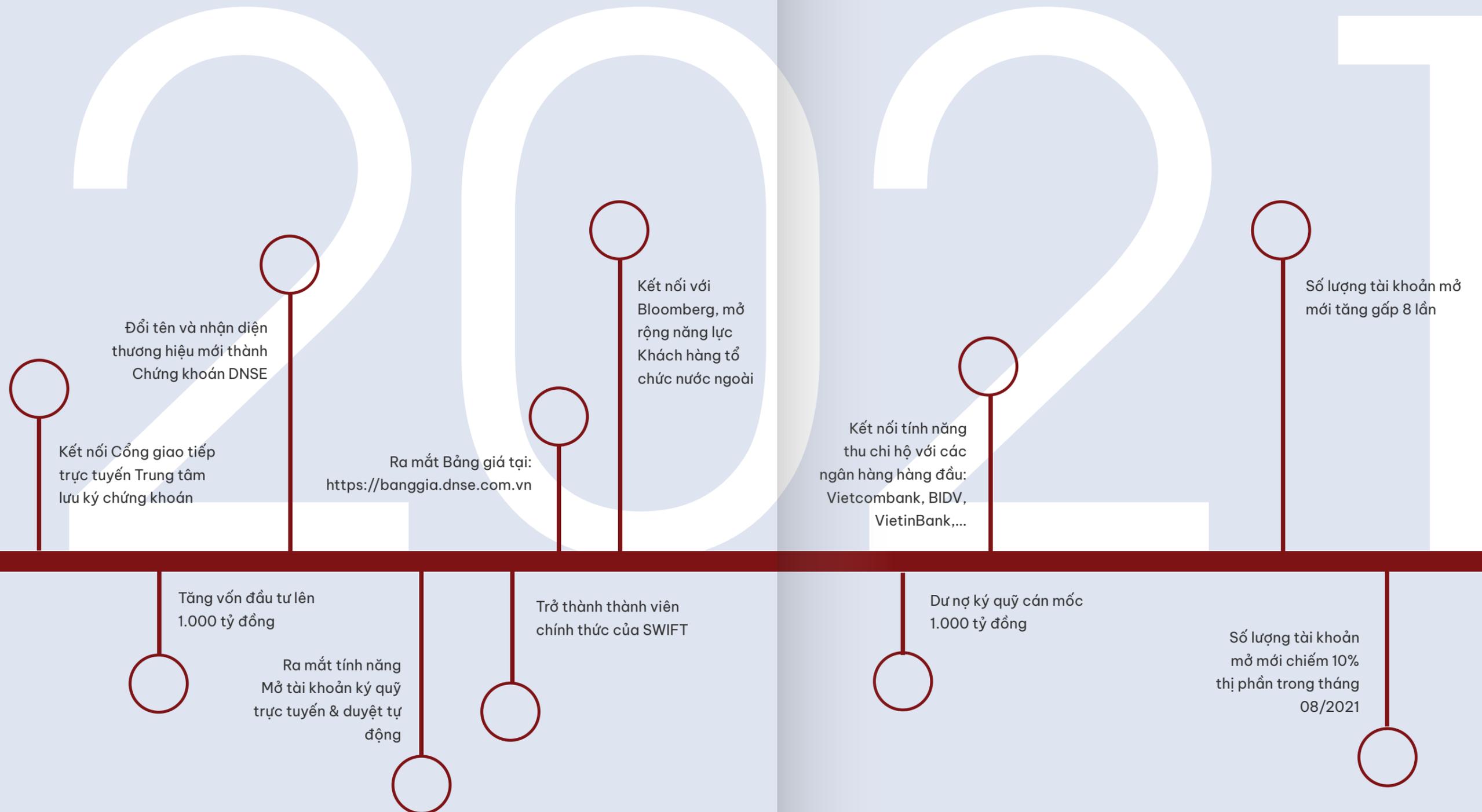


Bà
PHẠM THỊ THANH HOA
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Phạm Thị Thanh Hoa giữ vị trí Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc từ tháng 07/2020 đến nay. Trước đó, bà Phạm Thị Thanh Hoa là Giám đốc điều hành vận hành Công ty CP Công nghệ Tài chính Encapital. Bà có kinh nghiệm nhiều năm làm việc trong lĩnh vực chứng khoán - kiểm toán. Bà từng giữ vị trí quản lý tại Công ty CP Chứng khoán VnDirect, Chứng khoán Sài Gòn, Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Bà Phạm Thị Thanh Hoa tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành ngân hàng - tài chính tại trường Đại học Paris Dauphine và ESCP Business School.



ẢN TƯỢNG 2021



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2021

Đánh giá thị trường 2021

& triển vọng 2022

NHÌN LẠI NĂM 2021

Năm 2021, Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn thách thức dưới tác động của dịch bệnh Covid. Dịch bệnh lan rộng khiến chỉ thị giãn cách xã hội kéo dài, gây áp lực lên chuỗi cung ứng và ngừng trệ hoạt động sản xuất. Hệ quả là nền kinh tế đã đánh mất đà tăng trưởng vào Q3/2021. Sau khi đạt được tỷ lệ bao phủ vaccine nhờ chiến dịch tiêm chủng với quy mô lớn và thần tốc, Việt Nam từ nước có tỷ lệ tiêm chủng vaccine Covid thấp đã trở thành một trong 6 nước có tỷ lệ bao phủ vaccine cao nhất trên thế giới. Trên nền tảng này, kinh tế Việt Nam đã trở lại đường băng và vận hành thích nghi với “trạng thái bình thường mới”. Việt Nam đang trong giai đoạn khởi động lại các ngành nghề kinh doanh như sản xuất, hàng không, du lịch... và từng bước hòa nhập lại cùng thế giới.

2021

Tăng trưởng GDP Việt Nam

2021 ảnh hưởng nặng nề đợt bùng phát dịch lần thứ 4

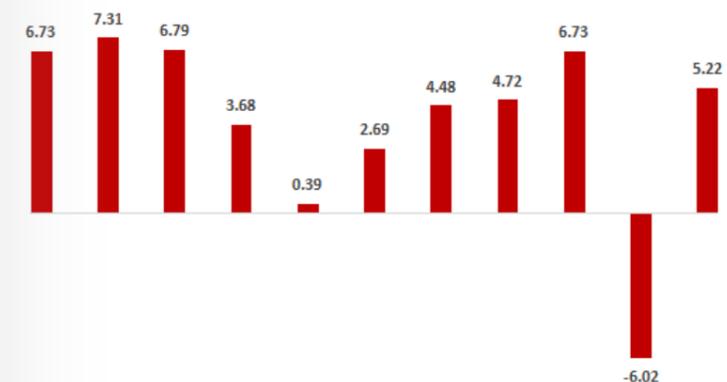
Nhờ sức cầu nội địa và nguồn vốn đầu tư trong nước, GDP Việt Nam có những thành tựu đáng kể trong quý 1&2 năm 2021, lần lượt tăng trưởng 4,72% và 6,73%.

Tuy nhiên, sự xuất hiện của biến thể Delta tấn công trực tiếp vào trọng điểm của nền kinh tế như Hồ Chí Minh, Bình Dương... đã gây ảnh hưởng một cách trực diện đến nền kinh tế đang được kì vọng phục hồi sau 3 làn sóng tấn công của đại dịch.

Ngành dịch vụ bị ảnh hưởng nặng nề nhất trong bối cảnh các tỉnh và thành phố tạm dừng những dịch vụ không thiết yếu. Kế đến là ngành công nghiệp và xây dựng do thiết hụt nhân công và chuỗi cung ứng nguyên vật liệu bị gián đoạn gây khó khăn trong sản xuất và thi công. Kết quả GDP quý 3 tăng trưởng -6,02%, đây là mức tăng trưởng quý thấp nhất được ghi nhận từ trước đến nay.

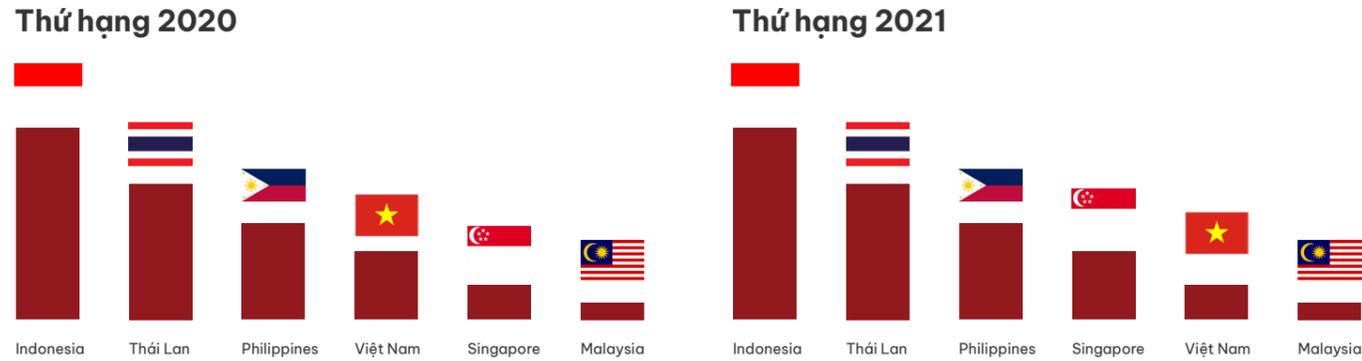
Sau khi thần tốc bao phủ vaccine, kinh tế trong quý 4 đã hồi phục với điểm nhấn chính sách thích nghi trạng thái “bình thường mới”; GDP quý 4 đã quay trở lại tăng trưởng dương và cả năm 2021 tăng trưởng 2,58%.

Tăng trưởng GDP Việt Nam



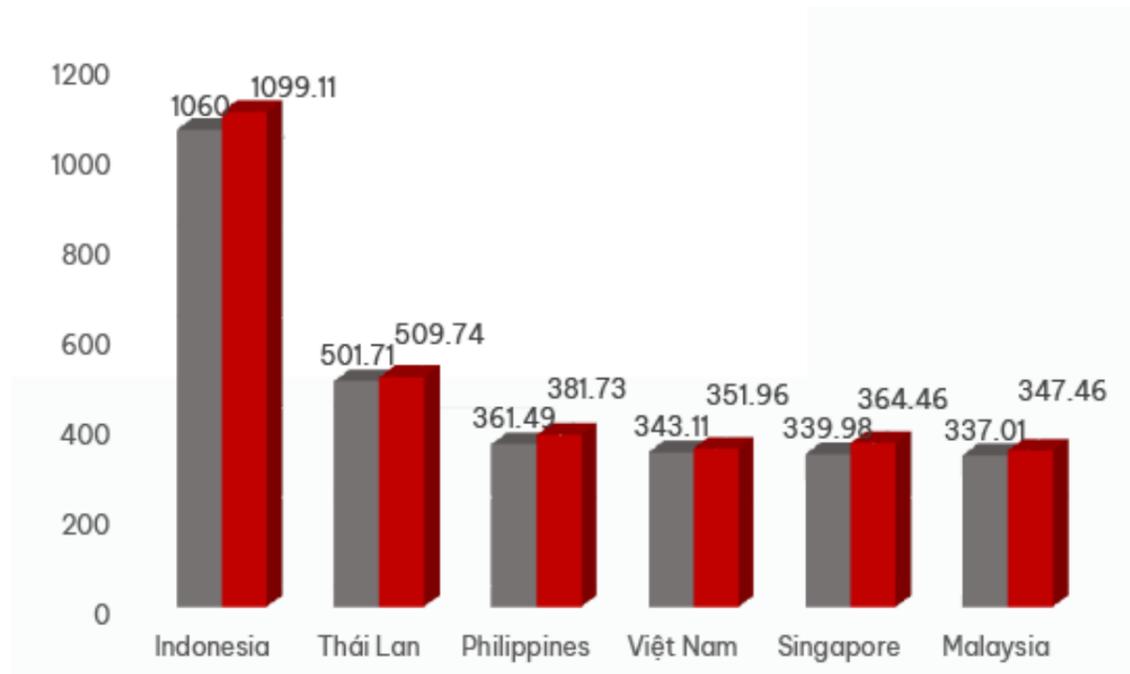
Q2 2019 Q3 2019 Q4 2019 Q1 2020 Q2 2020 Q3 2020 Q4 2020 Q1 2021 Q2 2021 Q3 2021 Q4 2021

So sánh với các nước



Trong năm 2021, Việt Nam đứng thứ 5 về GDP trong khu vực Đông Nam Á với GDP khoảng 352 tỷ USD, xếp sau Singapore với vị trí thứ 4 với 364 tỷ USD. Vị trí top 3 là Indonesia, Thái Lan và Philippines không thay đổi so với năm 2020. Malaysia cũng tiếp tục giữ vị trí thứ 6 trong nhóm các nền kinh tế lớn của khu vực.

Với mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2022 của chính phủ khoảng 6 – 6,5%, Việt Nam có thể trở lại vị trí thứ 4 về quy mô nền kinh tế trong khu vực ASEAN.



Cơ cấu tăng trưởng nền kinh tế

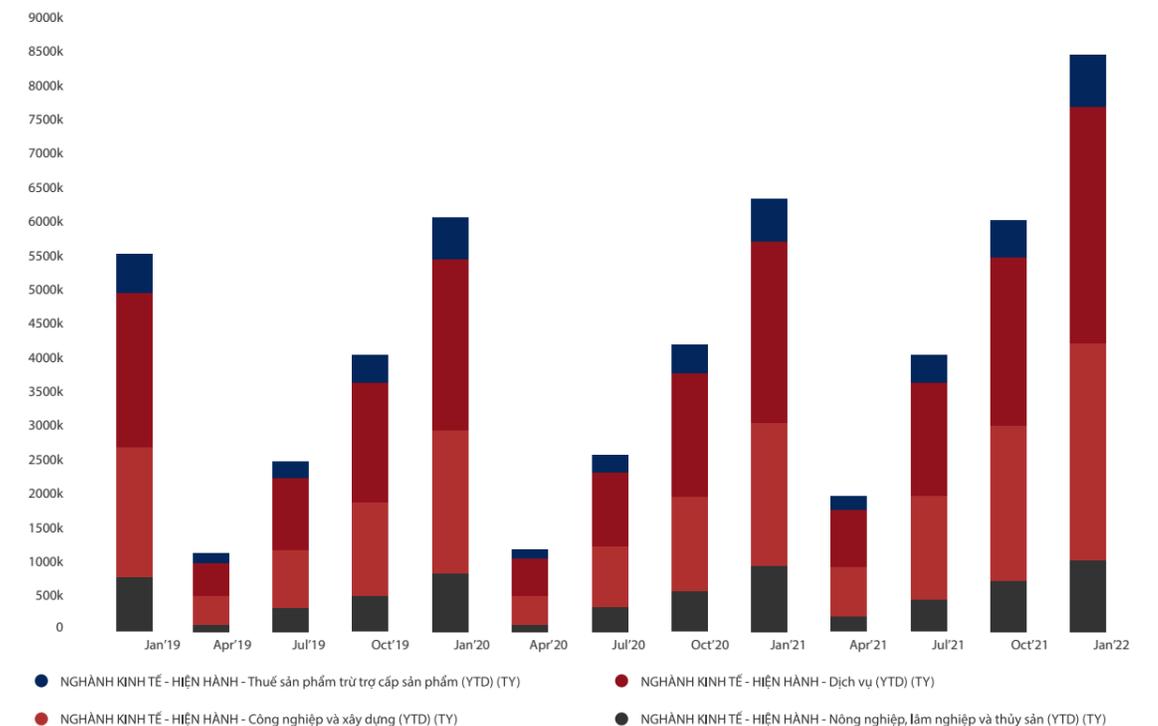


Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế 2021:

Khu vực nông lâm ngư nghiệp tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; Khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%

Tăng trưởng âm của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã làm giảm mức tăng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế: như bán buôn, vận tải kho bãi và đặc biệt mạnh như dịch vụ lưu trú ăn uống (-20,81%).



Cán cân thương mại

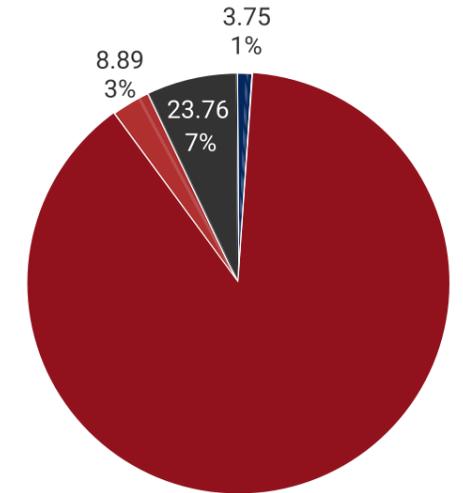
Trong bối cảnh đứt gãy thương mại quốc tế trên toàn cầu, hoạt động xuất nhập - khẩu hàng hóa của Việt Nam giữ được đà tăng trưởng và trở thành điểm sáng tạo lực kéo quan trọng cho cả nền kinh tế và đưa Việt Nam vào nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại quốc tế. Vượt qua giai đoạn đầy khó khăn bởi dịch Covid-19, năm 2021 tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa cả năm về đích với con số kỷ lục 668,54 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020, trong đó trong đó xuất khẩu tăng 19%; nhập khẩu tăng 26,5%.

Đây là năm thứ 6 kể từ 2016 đến nay, cán cân thương mại xuất nhập khẩu liên tục thặng dư.



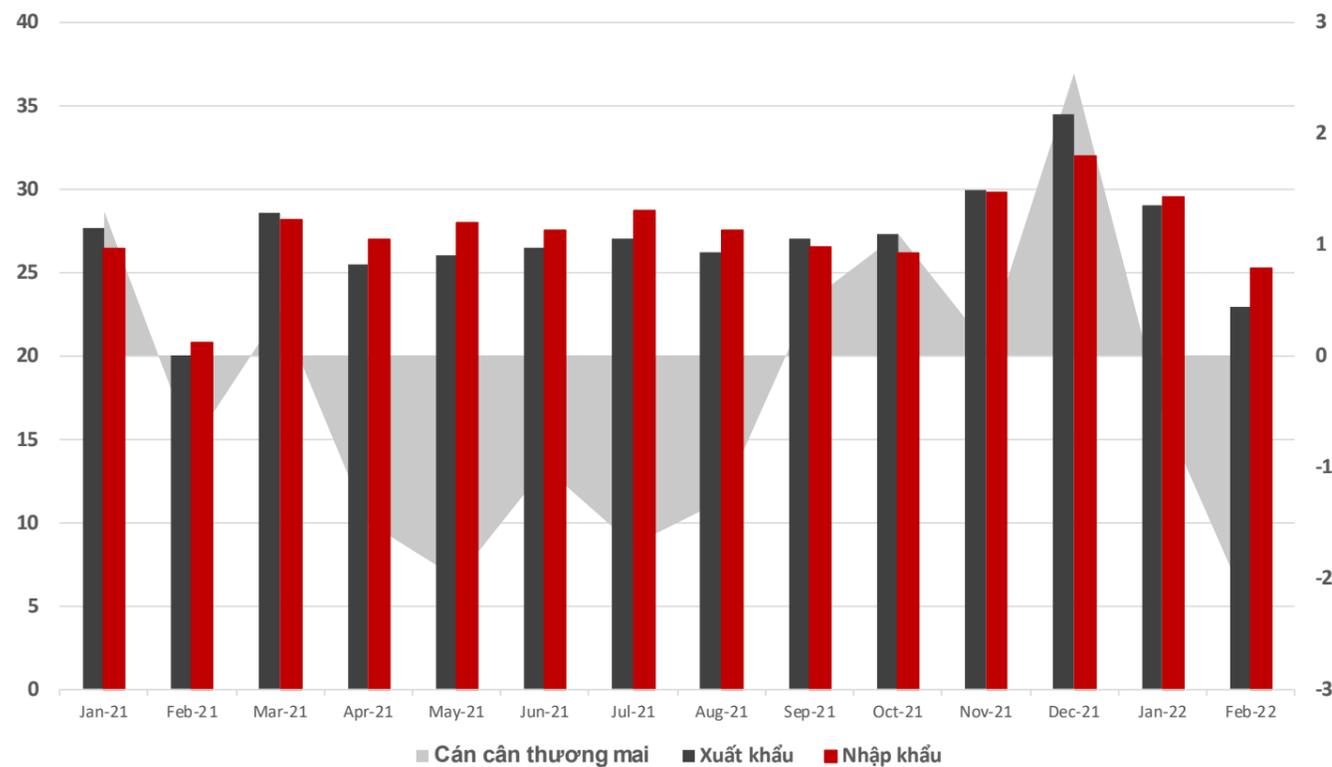
Cơ cấu xuất khẩu hàng hóa 2021 (tỷ USD)

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2021 đạt 336,31 tỷ USD, tăng 19% so với năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 91,09 tỷ USD, tăng 14,2%, chiếm 27,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 245,22 tỷ USD, tăng 20,9%, chiếm 72,9%. Trong năm 2021 có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 93,8% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 8 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 69,7%).



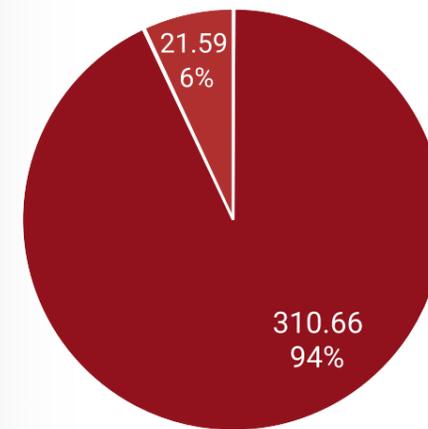
- Nhiên liệu khoáng sản
- Công nghiệp chế biến chế tạo
- Thủy sản
- Nông sản

Cán cân thương mại (tỷ USD)



Cơ cấu nhập khẩu hàng hóa 2021

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2021 đạt 332,23 tỷ USD, tăng 26,5% so với năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 114,03 tỷ USD, tăng 21,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 218,21 tỷ USD, tăng 29,1%. Trong năm 2021 có 47 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 94,1% tổng kim ngạch nhập khẩu.



- Tư liệu sản xuất
- Hàng tiêu dùng

Thị trường xuất nhập khẩu chủ lực 2021 (tỷ USD)

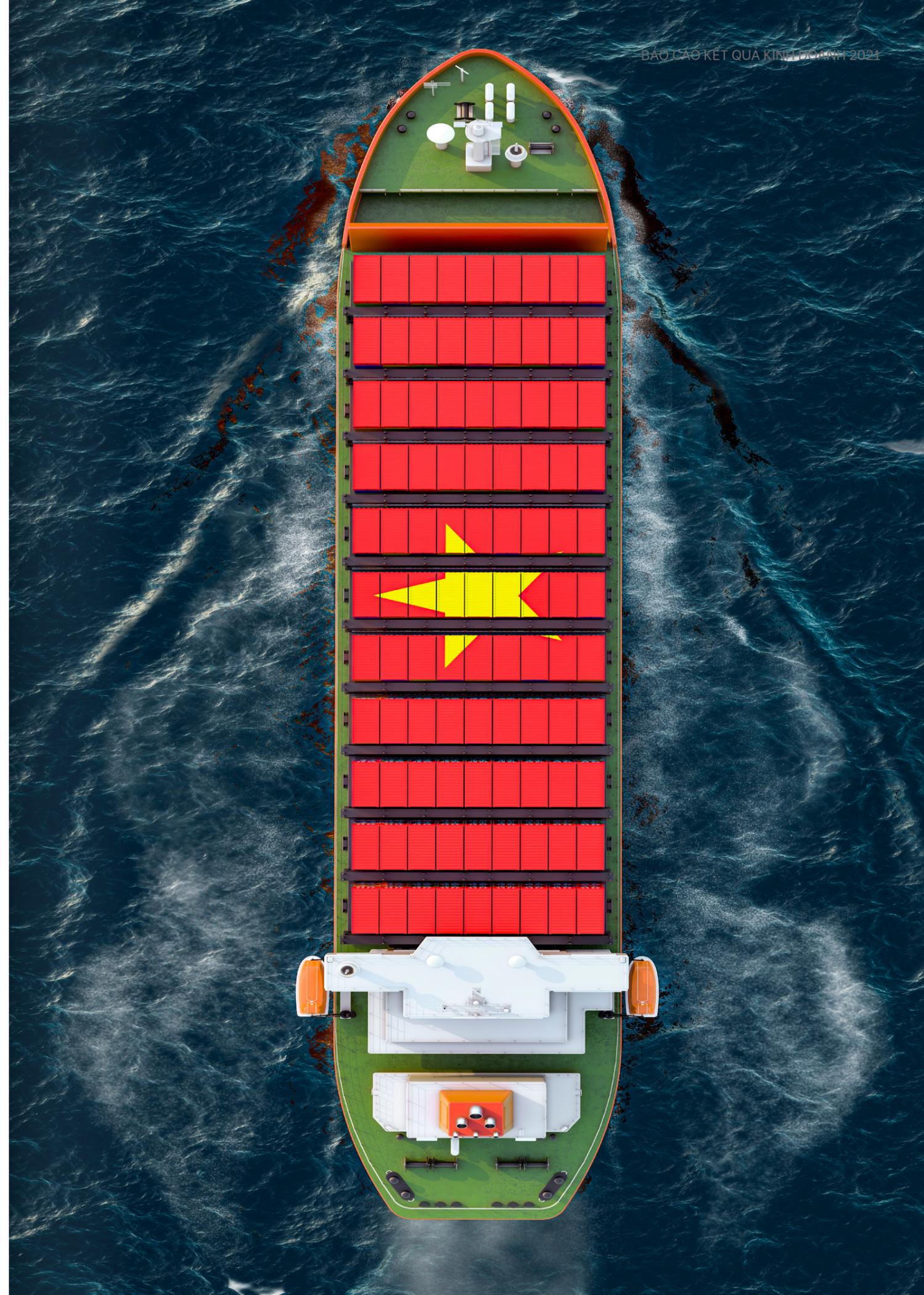
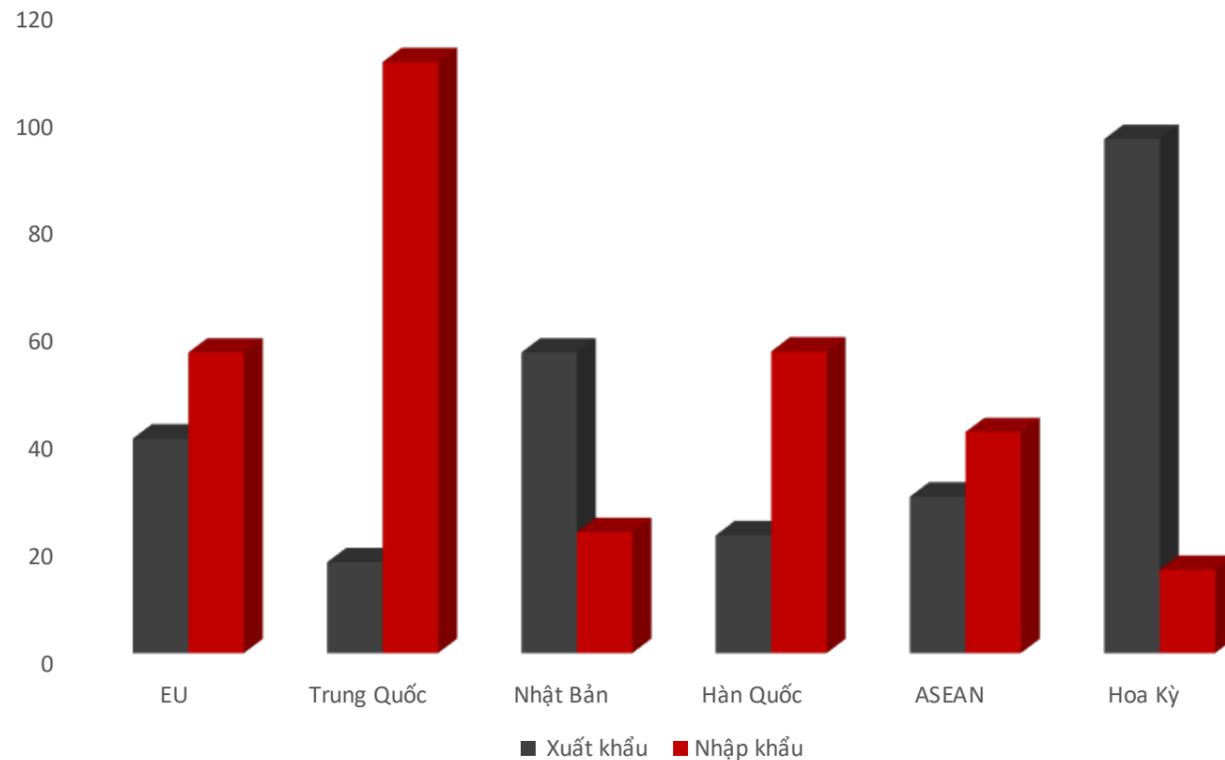
Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 96,3 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 109,9 tỷ USD. Năm 2021, xuất siêu sang EU đạt 23 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 53,9 tỷ USD, tăng 52,7%; nhập siêu từ Hàn Quốc 34,2 tỷ USD, tăng 22,9%; nhập siêu từ ASEAN 12 tỷ USD, tăng 63,1%; nhập siêu từ Nhật Bản 2,5 tỷ USD, tăng 140%.



Theo Tổng cục Thống kê, 2 tháng đầu năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt **108,52 tỷ USD**, tăng **13%** so với cùng kỳ năm trước, trong đó, xuất khẩu tăng **10,2%**, nhập khẩu tăng **15,9%**.



Thị trường xuất nhập khẩu chủ lực 2021 (tỷ USD)



Lãi suất và tăng trưởng tín dụng

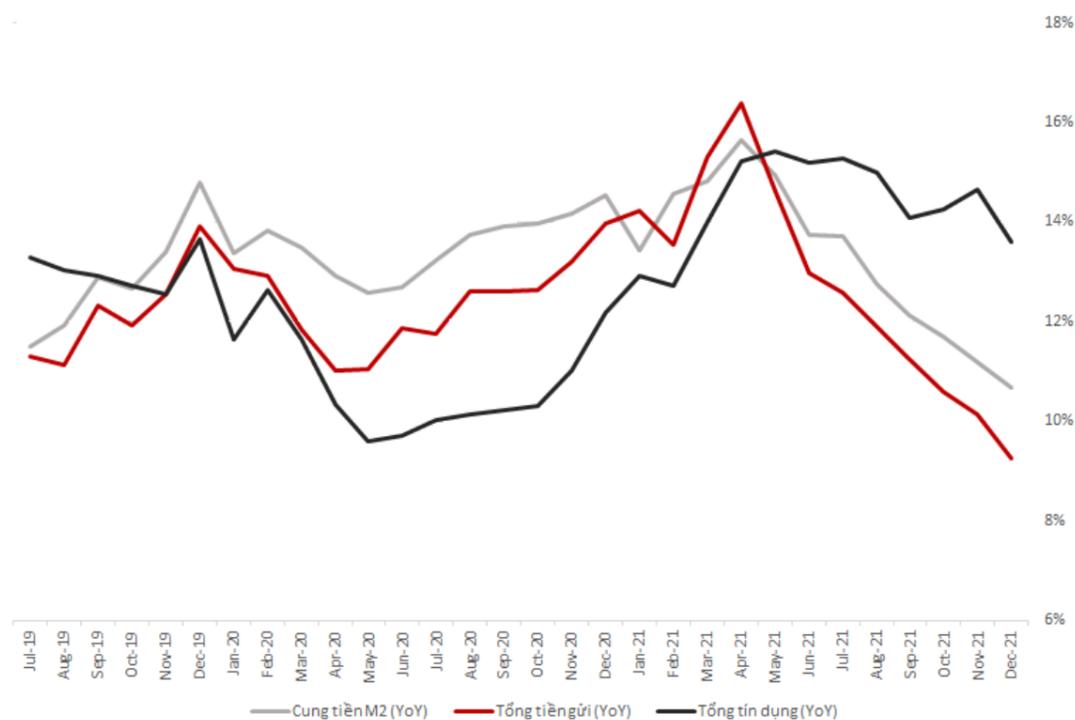
Tăng trưởng tín dụng duy trì 2 con số

Bất chấp ảnh hưởng tiêu cực liên tiếp từ đại dịch Covid-19, mức tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế năm 2021 đạt 13,53% so với 2020. Giai đoạn 23/01/2020 - 27/12/2021, các tổ chức tín dụng đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ cho khoảng 780.000 khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch với dư nợ trên 301.000 tỷ đồng và giá trị nợ cơ cấu lũy kế khoảng 616.000 tỷ đồng.

Cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh và tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được quản lý chặt chẽ.

Theo đó, đến cuối năm 2021: (i) Tín dụng ngành nông, lâm, thủy sản ước tăng 8,68%; tín dụng ngành công nghiệp và xây dựng ước tăng 13,7%; tín dụng ngành thương mại và dịch vụ ước tăng 14,1%; (ii) Tín dụng nông nghiệp, nông thôn ước tăng 13,5%; tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) ước tăng 11,98%; tín dụng xuất khẩu ước tăng 13,32%; tín dụng công nghiệp hỗ trợ ước tăng 21,52%; tín dụng cho doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao ước tăng 19,2%. Riêng khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 đã được tổ chức tín dụng cho vay mới với lãi suất thấp hơn so với trước dịch với doanh số lũy kế từ ngày 23/01/2020 đến nay đạt trên 7,6 triệu tỷ đồng cho trên 1,32 triệu khách hàng.

Tăng trưởng cung tiền, huy động và tín dụng



2022

Triển vọng trong 2022

Trong năm 2022, hướng tới mục tiêu tăng trưởng 6 - 6,5%, NHNN có xu hướng duy trì chính sách nhất quán trong đó tiếp tục kiểm soát nợ xấu và tập trung tín dụng cho các TCTD có chất lượng tài sản tốt đồng thời hỗ trợ tăng trưởng kinh tế mở cửa sau đại dịch.

- ▶ Kiểm soát quy mô, tăng trưởng hợp lý, hướng tới các lĩnh vực sản xuất và lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ.
- ▶ Kiểm soát các rủi ro tiềm ẩn và định hướng cơ cấu tín dụng phù hợp với dịch chuyển kinh tế.
- ▶ Đánh giá vai trò của tín dụng trong các ngành với khả năng phát triển và hồi phục của các ngành để ưu tiên về tín dụng
- ▶ Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận tín dụng, đáp ứng nhu cầu hợp pháp của người dân, góp phần hạn chế “tín dụng đen”.



Tỷ giá

Dự trữ ngoại hối (DTNH) liên tiếp đạt mức kỷ lục mới và nguồn này đang trở thành “tấm đệm” tốt để Ngân hàng Nhà nước (NHNN) điều hành linh hoạt tỷ giá và chủ động ứng phó với các biến động trên thị trường.

Dự trữ ngoại hối sẽ là lợi thế giúp Việt Nam cải thiện vị thế trên thế giới giảm áp lực giảm giá tiền đồng, đáp ứng khả năng trả nợ, củng cố mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia, thu hút đầu tư nước ngoài. Trong nước, sau khi đạt được mục tiêu chống đô la hóa nền kinh tế, DTNH tăng mạnh giúp làm tăng niềm tin của người dân vào VNĐ, khai mở nguồn lực vốn mới từ việc chuyển đổi từ đồng USD sang VNĐ để đầu tư sản xuất kinh doanh.

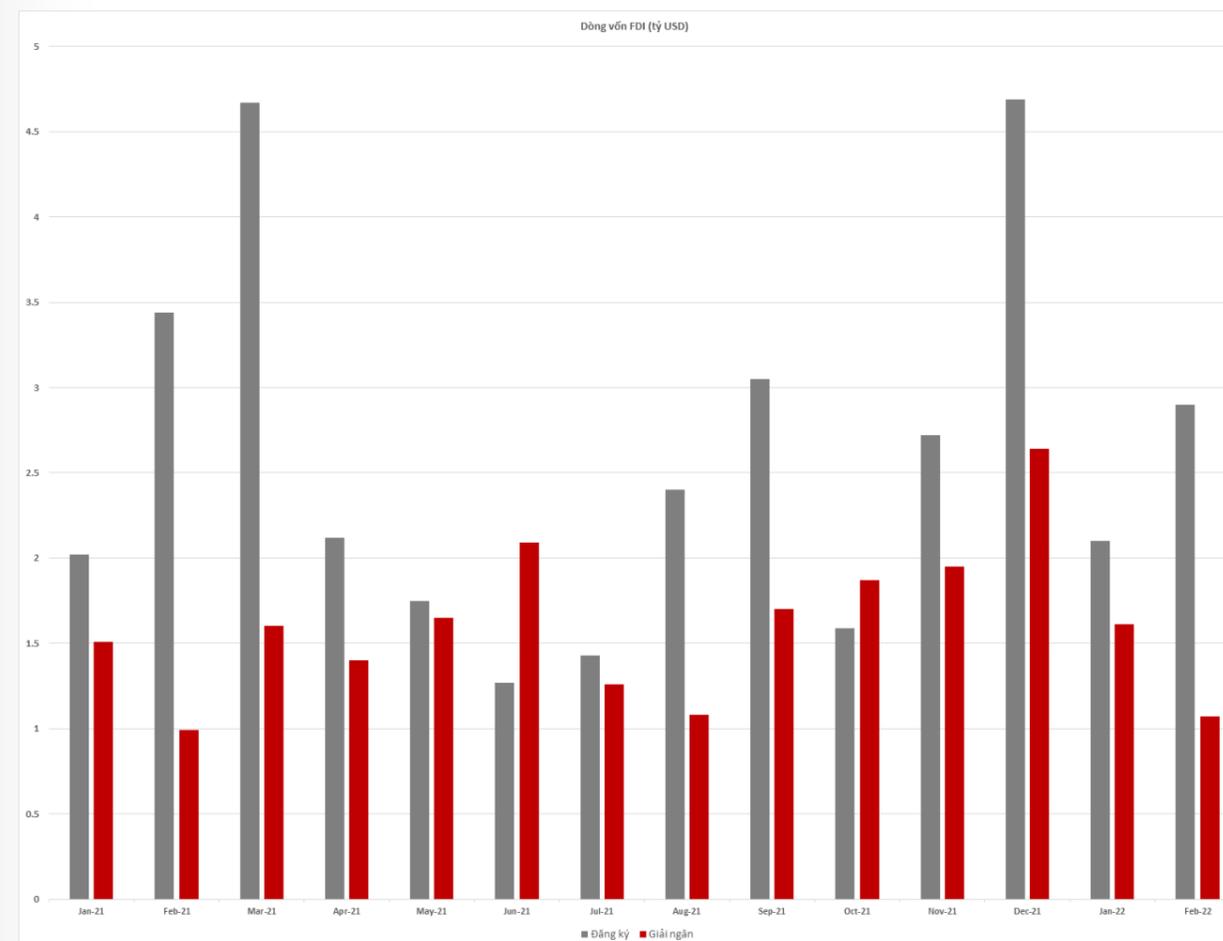
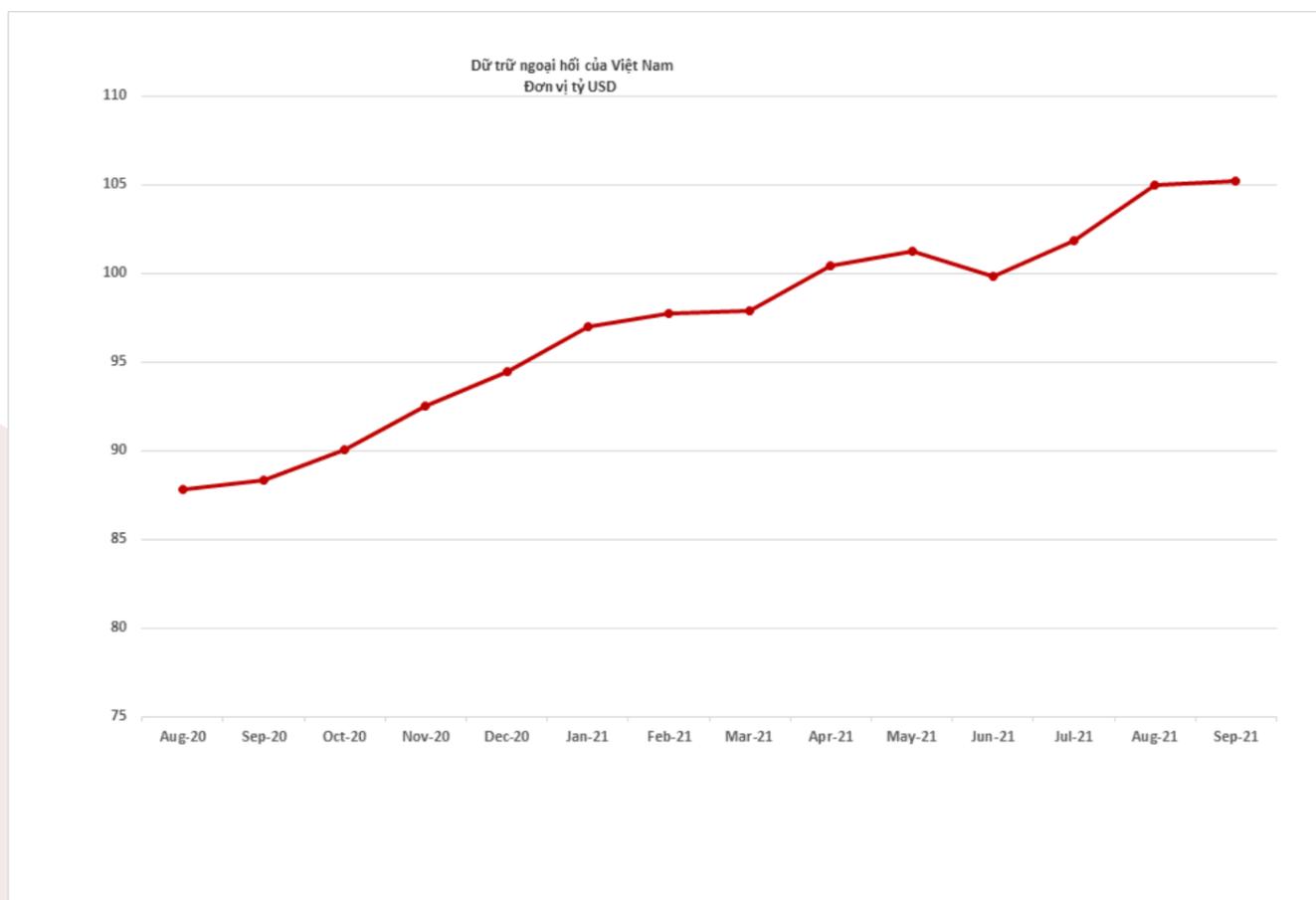
Tính đến ngày 20/2, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam đạt gần 5 tỷ USD, bằng 91,5% so với cùng kỳ năm 2021. Đáng chú ý, vốn thực hiện của dự án FDI ước đạt 2,68 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Năm 2022, trong bối cảnh lạm phát cao ở nhiều nền kinh tế, xu hướng tăng lãi và thu hẹp bảng cân đối kế toán của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ FED, tiền đồng chịu áp lực tăng giá. Nhưng Việt nam có nhiều lợi thế và tỷ giá được dự báo duy trì ổn định:

- Cán cân thương mại tăng trưởng vững chắc có thặng dư. Mức tăng trưởng tổng kim ngạch xuất khẩu 22,6% trong 2021 là mức tăng trưởng ấn tượng trong bối cảnh đại dịch.

- Dòng vốn nước ngoài mạnh mẽ thông qua các hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp vào sản xuất – kinh doanh, các hoạt động đầu tư gián tiếp vào thị trường vốn với sự tăng trưởng ngoạn mục về thanh khoản và giá trị của thị trường chứng khoán, đi cùng các hoạt động mua bán – sáp nhập (M&A).

- Kiều hối cũng là một yếu tố tác động tích cực tới tỷ giá. Năm 2021, 12,5 tỷ USD kiều hối từ kiều bào và lực lượng xuất khẩu lao động Việt Nam đã giúp bù đắp hoàn toàn cho sự sụt giảm nguồn thu ngoại tệ từ hoạt động du lịch.



Điểm nhấn thị trường chứng khoán 2021

Thị trường Chứng khoán đã phục hồi và có sự bứt phá mạnh mẽ, lọt Top 10 thị trường tăng mạnh nhất trên thế giới, kéo dài xu hướng tăng trưởng trong dài hạn. Trong năm, VNINDEX đã có nhịp điều chỉnh về đáy 1.035,51; sau đó bật tăng trở lại và vượt qua đỉnh lịch sử 1.204, thiết lập một bằng giá mới cho chỉ số và thanh khoản. Sự bùng nổ trong 2021 được đóng góp mạnh mẽ bởi nhóm nhà đầu tư trong nước. Môi trường lãi suất thấp đã khiến nhà đầu tư cá nhân quan tâm hơn đến đầu tư, cụ thể là thị trường chứng khoán. Làn sóng số hóa giúp việc mở tài khoản eKYC, nộp rút tiền được trở nên tinh gọn, đơn giản. Điều này đã tạo điều kiện cho sự tăng trưởng thần kỳ về số lượng nhà đầu tư cá nhân trong nước.



Chỉ số thị trường

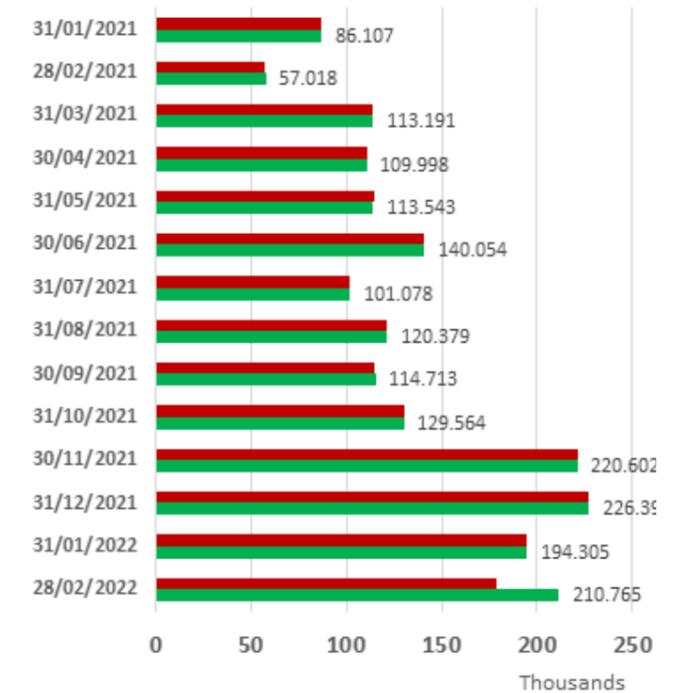
Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm 2021

VN-Index đạt 1.498,28 điểm, tăng 35,73%.
VN-Allshare đạt 1.561,33 điểm, tăng 51,23%.
VN30 đạt 1.535,71 điểm, tăng 43,42%.

Tính đến ngày 31/12/2021, tổng giá trị và khối lượng giao dịch cổ phiếu lần lượt đạt khoảng 5,39 triệu tỷ đồng và 184,32 tỷ cổ phiếu, tăng lần lượt 244,51% về giá trị và tăng 118,68% về khối lượng so với năm 2020. Thanh khoản của thị trường năm 2021 liên tục đạt những kỷ lục mới, giá trị và khối lượng giao dịch bình quân phiên lần lượt đạt trên 21.593 tỷ đồng và 737,29 triệu cổ phiếu, tương ứng tăng 247,27% về giá trị và 120,43% về khối lượng bình quân so với năm 2020.

Về giá trị vốn hóa, tính đến ngày 31/12/2021, giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu tại HOSE đạt hơn 5,8 triệu tỷ đồng, tương đương 92,77% GDP năm 2020 (GDP theo giá hiện hành), tăng 43,06% so với cuối năm 2020. Tổng vốn hóa thị trường chứng khoán đạt 9,9 triệu tỷ đồng, tăng 39,38% so với 2020, trong đó HOSE (5,84 triệu tỷ đồng), HNX (0,51 triệu tỷ đồng), UPCOM (1,4 triệu tỷ đồng) và TPCP/TPDN (1,54 triệu tỷ đồng).

Số tài khoản gia tăng theo tháng 2021



Trong năm 2021 thị trường đã thu hút lượng lớn nhà đầu tư mới (nhà đầu tư F0) tham gia thị trường. Nhà đầu tư trong nước mở tài khoản mới tăng 56,07% so với năm 2020, cao hơn nhiều so với con số của 4 năm liên tiếp từ 2017-2020 cộng lại. Tổng số tài khoản giao dịch của nhà đầu tư trong nước đã vượt 4,2 triệu tài khoản, tương ứng khoảng 4,3% dân số.

Số liệu từ Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cho biết trong tháng 2/2022, nhà đầu tư trong nước mở mới 210.883 tài khoản chứng khoán, tăng hơn 16.000 tài khoản so với tháng liền trước. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2022, nhà đầu tư trong nước mở mới tổng cộng hơn 405.000 tài khoản chứng khoán, lớn hơn tổng lượng tài khoản mở mới trong cả năm 2020 (393.659 tài khoản). Tổng số tài khoản chứng khoán tại Việt Nam bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 4,7 triệu tài khoản.



Nhà đầu tư nước ngoài

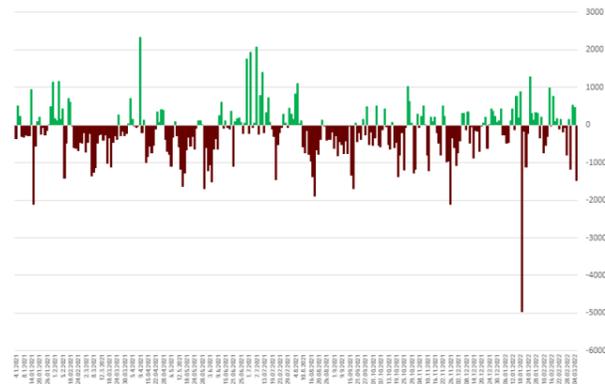
Trong năm 2021, tổng giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài đạt 798.821 tỷ đồng, chiếm 7,39% tổng giá trị giao dịch cả chiều mua và bán của toàn thị trường. Tính đến hết ngày 31/12/2021, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng hơn 62.431 tỷ đồng, tăng hơn 3 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng cộng, trong vòng 2 năm qua, khối ngoại đã bán ròng hơn 80 nghìn tỷ đồng.

Nhà đầu tư nước ngoài đã đẩy mạnh đầu tư vào các quỹ ETF, đặc biệt là quỹ ETF nội địa. Trong năm 2021, khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ ETF bình quân của nhà đầu tư nước ngoài đạt trên 8,06 triệu chứng chỉ quỹ/ngày với giá trị giao dịch bình quân đạt 175,56 tỷ đồng/ngày, tương ứng tăng 79,84% về khối lượng và tăng 193,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ trọng giao dịch ETF của nhà đầu tư nước ngoài chiếm 64,8% toàn thị trường. Lũy kế 12 tháng nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trên 4,5 nghìn tỷ đồng. Tính đến hết năm 2021, đã có 8 quỹ ETF được niêm yết và giao dịch trên HOSE. Trong đó, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài đối với một số quỹ ETF đạt trên 96%, cụ thể là 3 ETF: FUEVFN, FUESSVFL, E1VFN30.

Hệ thống giao dịch mới đáp ứng nhu cầu đi lệnh của Nhà đầu tư

Hệ thống giao dịch mới của HOSE do Tập đoàn FPT và Tập đoàn SOVICO thực hiện đã được triển khai, chuyển giao, đưa vào hoạt động thông suốt, an toàn từ ngày 5/7/2021 với năng lực xử lý gấp 3-5 lần hệ thống cũ. Với hệ thống giao dịch mới (3-5 triệu lệnh/ngày), hệ thống mới sẽ đáp ứng nhu cầu của HOSE và thị trường ít nhất trong 3 - 5 năm tới, đồng thời HOSE hoàn toàn làm chủ về công nghệ để có thể mở rộng trong tương lai.

Năm 2022, ngành chứng khoán sẽ tiếp tục có những cải tiến mạnh mẽ khi đưa ra mục tiêu đảm bảo vận hành hệ thống công nghệ thông tin mới của nhà thầu Hàn Quốc (KRX) đúng tiến độ. Điều này sẽ tạo điều kiện cho việc ra đời các sản phẩm, dịch vụ mới trên thị trường, tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác tái cấu trúc thị trường chứng khoán.



TRIỂN VỌNG KINH TẾ & CHỨNG KHOÁN NĂM 2022

Việt Nam có cơ hội trở thành “con hổ châu Á mới” dựa trên nền tảng:

- » Nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng trở lại trong 2022, kéo theo nhu cầu mạnh mẽ với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trong năm tới
- » Các chuyến bay thương mại quốc tế được nối lại toàn bộ vào ngày 15/03/2022, ngành du lịch khôi phục lại toàn bộ mang lại tăng trưởng cho mạnh mẽ cho du lịch và dịch vụ
- » Gói hỗ trợ kinh tế 350.000 tỷ đồng phát huy hiệu lực
- » Đẩy mạnh đầu tư công và dòng vốn FDI được thu hút trở lại nhờ tỷ lệ bao phủ vaccine nhanh chóng và chính sách rộng mở với nguồn vốn đầu tư ngoại.

Với động lực chính đến từ tốc độ bao phủ vaccine nhanh trong “Trạng thái bình thường mới”, tác động của gói kích cầu giúp hồi phục nền kinh tế cùng hoạt động xuất khẩu ổn định, Việt Nam có các nền tảng để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP 2022.

Chỉ số PMI có chuỗi phục hồi liên tiếp và đạt 54,3 điểm trong tháng 2, tăng so với 53,7 của tháng 1/2022. Lĩnh vực sản xuất Việt Nam tiếp tục thể hiện khả năng chống chịu tốt với đại dịch COVID-19 trong tháng 2/2022 và tiếp tục cải thiện về môi trường kinh doanh.

Động lực tăng trưởng kinh tế trong năm 2022

Cầu tiêu dùng nội địa là lực đẩy lớn cho động cơ tăng trưởng của nền kinh tế 2022

Giai đoạn sau giãn cảnh, mở cửa trở lại giúp thu nhập người dân cải thiện, giảm chi phí chuỗi cung ứng và sản xuất; từ đó góp phần thúc đẩy tiêu dùng. Các nhu cầu tiêu dùng dồn nén sau thời gian giãn cách kéo dài sẽ có đà tăng, du lịch và hàng không được hồi sinh khi các đường bay nội địa và quốc tế liên tiếp được mở cửa trở lại. Quốc hội đã thông qua gói kích thích kinh tế mới với quy mô khoảng 4,2% GDP để phục hồi nền kinh tế, kích cầu tiêu dùng trong nước.

Tăng trưởng xuất khẩu là bệ đỡ cho nền kinh tế

Các hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) và Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) tiếp tục gia tăng lợi ích chiến lược cho Việt Nam thông qua sự phát triển quan hệ thương mại - đầu tư với một trong những đối tác lớn nhất và quan trọng nhất của Việt Nam. Các hiệp định này giúp đa dạng hóa thị trường xuất khẩu ngay trong lòng EU và dịch chuyển thị trường nhập khẩu nhằm tối ưu chi phí và nâng cao chất lượng.

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam kỳ vọng sẽ khởi sắc trở lại nhờ những Chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn và chủ trương mở cửa trở lại nền kinh tế sau hai năm đóng cửa bởi dịch bệnh Covid-19.

Khi có kế hoạch nối lại các chuyến bay thương mại quốc tế, Việt Nam vẫn sẽ là một địa điểm hấp dẫn đối với các công ty nước ngoài trong chiến lược đa dạng hóa “Trung Quốc + 1”. Lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) rất tiến bộ như CPTPP, EVFTA, RCEP giúp các nhà đầu tư vào Việt Nam sẽ được hưởng nhiều ưu đãi lớn về thuế khi xuất khẩu sản phẩm sang các nước đã có FTA với Việt Nam. Đồng thời, Việt Nam cũng sẽ là điểm đến đầu tư an toàn, hấp dẫn và tiềm năng đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2022.

Triển vọng thị trường chứng khoán 2022

Lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn phục hồi và có sự tăng trưởng nổi bật: dù đứng trước khó khăn từ đại dịch Covid nhưng kết quả kinh doanh năm 2021 của các doanh nghiệp niêm yết trên cả 3 sàn chứng khoán vẫn có nhiều điểm nổi bật nhờ lợi thế nằm trong nền kinh tế đang phát triển. Tính đến 11/02/2022, 719 công ty đã công bố kết quả kinh doanh quý 4/2021. Trong đó, 46% doanh nghiệp ghi nhận lãi ròng so với cùng kỳ năm ngoái. P/E thị trường đạt 16,5 và PE VN30 đạt 15,5 tại ngày 15/03/2022. Đây là mức định giá hấp dẫn khi triển vọng tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp được dự báo duy trì mức tích cực trong 2022. Cũng trong năm nay, doanh

ng nghiệp thuộc nhóm ngành bị ảnh hưởng trực tiếp từ đại dịch được kỳ vọng sẽ ghi nhận mức tăng trưởng vượt trội trở lại. Đặc biệt, nhóm ngành hàng không, bán lẻ, dịch vụ, du lịch... sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng EPS 2 con số và cao hơn bình quân 12%/năm của giai

Thanh khoản thị trường được cải thiện nhờ dòng tiền của nhà đầu tư cá nhân trong nước có thể tiếp tục chảy vào thị trường chứng khoán trong bối cảnh lãi suất huy động vẫn đang ở vùng thấp và xu hướng công nghệ hóa đầu tư mạnh mẽ. Hệ thống giao dịch KRX đi vào hoạt động sẽ giúp thị trường Việt Nam có hạ tầng để phát triển sản phẩm mới, tiệm cận các tiêu chí nâng hạng thị trường vào đợt đánh giá tháng 9/2022.

Câu chuyện thoái vốn và nơi room ngoại tiếp diễn. Trong năm 2022, dự kiến sẽ có hơn 30.000 tỷ đồng được thu về ngân sách nhà nước thông qua việc thoái vốn từ FPT, BMI, NTP, BVH, BHN và Công ty CP Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam. Một loạt những doanh nghiệp lớn có kế hoạch niêm yết sẽ có thêm nguồn cung hàng có chất lượng, tăng thêm thanh khoản cho thị trường.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2021

Nền kinh tế Việt Nam đã trải qua một năm 2021 đầy thử thách do dịch COVID-19 bùng phát và lan rộng mạnh mẽ; kéo theo sự ngưng trệ trong cả hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong năm 2021 tăng 2,58%. Đây cũng là mức tăng trưởng thấp nhất trong 10 năm trở lại. Đặc biệt, quý III/2021 ghi nhận “kỷ lục Guinness của Việt Nam” khi chỉ số GDP tăng trưởng âm. Nhiều cơ sở kinh doanh, sản xuất đóng băng hoặc duy trì theo những mô hình chưa từng có: “3 tại chỗ”, “1 cung đường, 2 điểm đến”. Trong bức tranh nền kinh tế không mấy khởi sắc, thị trường chứng khoán Việt Nam trở thành điểm sáng đặc biệt, nhiều lần thiết lập đỉnh lịch sử, trở thành kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế. Trái ngược các giai đoạn trước đây như 1997, 2008 – 2009 khi thị trường Chứng khoán chịu tác động tiêu cực nặng nề từ những cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu; cú lội ngược dòng này cho thấy hiệu quả của nền kinh tế số, giao dịch không tiền mặt. Tiên phong trong xu hướng chuyển đổi số cho thị trường chứng khoán, sở hữu lợi thế về mặt công nghệ đã mang lại cho DNSE những kết quả kinh doanh ấn tượng trong mười hai tháng biến động vừa qua.

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
Tổng doanh thu	186,61	109,52	170%
Tổng chi phí	118,48	89,48	132%
Lợi nhuận trước thuế	68,13	20,04	340%

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2017-2021

1. Kết quả kinh doanh	2021	2020	2019	2018	2017
Doanh thu	186.610	21.848	18.501	27.637	45.122
Trong đó: Doanh thu từ hoạt động môi giới	90.034	6.809	5.084	10.163	20.271
Chi phí hoạt động	100.603	12.021	12.363	15.712	24.487
Lợi nhuận trước thuế	68.126	2.825	75	5.598	13.371
Lợi nhuận sau thuế	54.470	2.152	(112)	4.464	11.854
2. Bảng cân đối kế toán					
Tổng tài sản	2.315.226	187.309	176.592	164.730	166.993
Vốn điều lệ	1.000.000	160.000	160.000	160.000	160.000
Vốn chủ sở hữu	1.058.568	164.087	161.935	162.047	157.583

Đơn vị: Triệu đồng

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGUỒN VỐN

Mảng kinh doanh nguồn vốn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc quản trị, phân bổ và tối ưu hóa dòng vốn của DNSE cho các hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ. Phạm vi nguồn vốn quản lý bao gồm nguồn vốn chủ sở hữu, tín dụng ngân hàng, phát hành trái phiếu và nguồn vốn huy động khác. Việc duy trì, mở rộng, điều phối nguồn vốn hiệu quả và tăng trưởng bền vững đã tạo tiền đề để DNSE đạt được kết quả kinh doanh bứt phá mạnh mẽ trong năm 2021.

Đẩy mạnh năng lực huy động vốn

Ngày 02/07/2021, DNSE đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 160 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng thông qua hình thức chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Với việc tăng vốn thành công này, DNSE đã có bước nhảy vọt từ vị trí 64 lên vị trí 27 tính theo quy mô vốn điều lệ của các công ty chứng khoán trên thị trường.

Cùng nền tảng tài chính vững mạnh, DNSE đã ghi nhận tốc độ tăng trưởng vượt bậc của tổng tài sản với mức tăng 12,38 lần – tương đương đạt 2.315 tỷ đồng so với mức 187 tỷ đồng vào thời điểm kết thúc năm 2020.

Năm 2021, bộ phận Kinh doanh Nguồn vốn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mở rộng quan hệ tín dụng với các Ngân hàng trong nước, tiến tới phát triển quan hệ tín dụng với các Ngân hàng quốc tế với mục tiêu đa dạng hóa nguồn vốn huy động bằng cả nội tệ và ngoại tệ. Nguồn vốn được điều phối hiệu quả, đáp ứng kịp thời, đầy đủ, với chi phí hợp lý cho các hoạt động kinh doanh của công ty.

Bên cạnh đó, nguồn vốn của DNSE trong năm 2021 đã được bổ sung đáng kể thông qua việc phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng mệnh giá phát hành đạt 120 tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng và 1 ngày cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân. Với tỷ lệ phát hành thành công đạt 100%, nguồn vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu

giúp công ty tăng quy mô vốn hoạt động, nâng cao năng lực tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu giao dịch và sử dụng dịch vụ tài chính ngày càng tăng của khách hàng.

Tăng cường hoạt động đầu tư, kinh doanh giấy tờ có giá, trái phiếu và các sản phẩm tài chính khác

Với mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu và giảm thiểu rủi ro thị trường trong bối cảnh có nhiều biến động như năm 2021, DNSE phân bổ nguồn lực hợp lý để tăng quy mô đầu tư các sản phẩm tài chính dài hạn, có lãi suất cố định như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành.

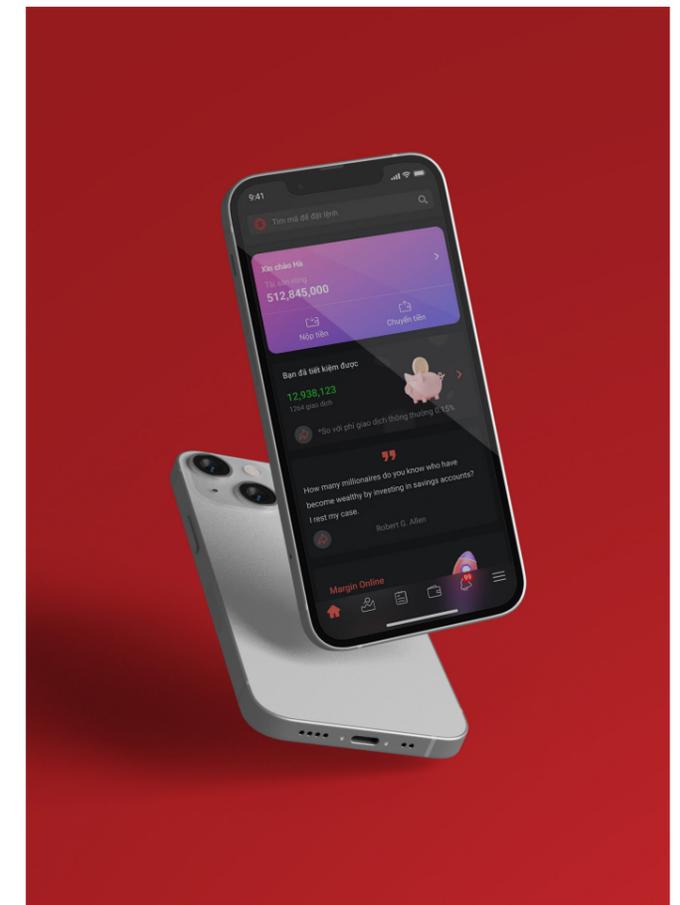


HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ

Năm 2020, DNSE tập trung vào xây dựng nền tảng về mặt nhân sự cũng như hệ thống kỹ thuật, hoàn thành cơ bản sản phẩm mang tính chiến lược – nền tảng giao dịch chứng khoán cơ sở EntradeX. Tới năm 2021, EntradeX tiếp tục là trọng tâm phát triển của khối Công nghệ. Các công nghệ tân tiến nhất được đẩy mạnh đầu tư và ứng dụng tối đa nhằm nâng cấp các tính năng, cải thiện trải nghiệm của khách hàng, hướng tới mục tiêu dẫn đầu công nghệ trên thị trường Chứng khoán. Bên cạnh đó, trong năm 2021, các hoạt động vận hành cũng bước đầu được công nghệ hóa, giúp tối ưu nguồn lực và giảm thiểu sai sót.

- Số hoá hoàn toàn quy trình mở tài khoản Chứng khoán và ứng dụng Công nghệ 4.0 vào thực hiện eKYC khách hàng như: nhận dạng Ký tự Quang học (OCR) đọc và kiểm tra hình ảnh CMND/CCCD; nhận diện và so sánh khuôn mặt (Facial Recognition) giữa ảnh chụp trực tiếp và ảnh trên CMND/CCCD; Chữ ký số (Digital Signature) cùng các công nghệ hiện đại khác. Từ đó, khách hàng chỉ mất 1-2 phút để hoàn tất mở tài khoản Chứng khoán và sẵn sàng giao dịch, hoàn toàn trực tuyến và tự động.
- Xây dựng, hoàn thiện và triển khai hệ thống quản trị lệnh mới, ORS (Order Routing System), nâng cao năng lực nhận lệnh và đặt lệnh của hệ thống. ORS được xây dựng dựa trên kinh nghiệm lâu đời phát triển hệ thống CORE chứng khoán, với khả năng xử lý lệnh có khối lượng lớn (>10.000 lệnh một giây) và độ trễ thấp (< 10ms); mang tới cho Khách hàng trải nghiệm tốc độ đặt lệnh vượt trội. ORS cũng được triển khai với mô hình tiên tiến, dễ dàng mở rộng để đáp ứng sự tăng trưởng nhảy vọt của DNSE và đảm bảo tính ổn định, liên tục của hệ thống lệnh, vốn là hệ thống quan trọng nhất của Core Chứng khoán.
- Mở rộng kết nối thu & chi hộ tự động 24/7 với các ngân hàng uy tín hàng đầu Việt Nam như Vietcombank, BIDV, Vietinbank, VPBank, Sacombank, VietABank trên giải pháp Tài khoản

- định danh Virtual Account. Thu/chi tự động 24/7 là một cấu phần quan trọng trong hành trình trải nghiệm Khách hàng mà DNSE hướng đến. Khách hàng của DNSE có thể thực hiện nộp tiền và được hạch toán tự động dưới 1 phút, cũng như thực hiện rút tiền trực tuyến 24/7 trong 365 ngày.
- Xây dựng hệ thống quản lý quy trình (BPM) và hệ thống quản trị doanh nghiệp (ERP) để số hoá quy trình nghiệp vụ và quy trình quản trị sản phẩm cũng như số hoá các dữ liệu quản trị doanh nghiệp như nhân sự, kế toán, cùng các dữ liệu khác. Các hệ thống giảm thiểu tối đa khối lượng công việc phải xử lý bằng tay, qua đó tối ưu năng suất lao động, tác động trực tiếp vào sự phát triển của DNSE.
- Xây dựng và ra mắt Hệ thống Giao dịch Chứng khoán trực tuyến trên nền tảng Website, đa dạng hóa nền tảng giúp tăng tính thuận tiện cho Khách hàng khi giao dịch tại DNSE. Cùng lúc đó, DNSE cũng hoàn thiện các tính năng và cải thiện hiệu năng của EntradeX trên nền tảng di động.



HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Phát triển số lượng tài khoản khách hàng

Vào tháng 4/2021, DNSE chính thức ra mắt ứng dụng giao dịch chứng khoán EntradeX trên nền tảng di động. EntradeX đã rút ngắn con đường khởi hành hành trình đầu tư chứng khoán cho người dùng xuống chỉ còn dưới 3 phút với phương thức mở tài khoản hoàn toàn trực tuyến, kết hợp với việc ký hợp đồng điện tử thông qua giải pháp định danh khách hàng điện tử (eKYC – Electronic Know Your Customer), thay thế các thủ tục phức tạp truyền thống.

Việc trực tuyến hóa thủ tục và quy trình không chỉ giúp rút ngắn tối đa thời gian từ khi khách hàng mở tài khoản đến khi giao dịch, nâng cao trải nghiệm khách hàng, mà còn tối ưu hóa nguồn lực của doanh nghiệp.

Trong năm 2021, các chương trình Ưu đãi như Giới thiệu bạn bè để cộng tiền thưởng, Ưu đãi Miễn phí giao dịch trọn đời, Miễn phí lựa chọn số đẹp liên tục được triển khai để thu hút Khách hàng mở tài khoản tại DNSE, khẳng định sự kiên định của DNSE với mô hình “Freemium” tiên phong trên thị trường.

Cũng trong năm qua, sản phẩm EntradeX của DNSE đã bước đầu tạo được nhận diện trong cộng đồng thông qua chiến lược hợp tác dài hạn với Bò và Gấu – kênh giải trí số 1 Việt Nam hiện nay dành cho cộng đồng đầu tư tài chính – chứng khoán, đặc biệt với nhóm khách hàng trẻ và khách hàng mới gia nhập thị trường (F0).

Tiêu chí	Năm	2018	2019	2020	2021
Số tài khoản khách hàng		4.441	4.556	5.548	44.727
Số tài khoản active		626	589	1.115	8.245
Số tài khoản mở mới		524	115	992	39.179
Tỷ lệ khách hàng active		14,1%	12,9%	20,1%	706,18%

Đặc biệt, chỉ riêng trong tháng 8, số lượng mở tài khoản mới tại DNSE đã tăng kỷ lục, chiếm gần 10% thị phần tài khoản mở mới của toàn thị trường với 11.374 tài khoản.

Trong 6 tháng cuối năm 2021, số lượng tài khoản mở mới của DNSE đạt hơn 33 nghìn tài khoản, chiếm 85,2% số tài khoản mới của cả năm. Tính đến tháng 12/2021, mỗi ngày DNSE có khoảng 1.200-1.300 khách hàng giao dịch, con số tài khoản active của cả năm đạt mốc hơn 8.000 tài khoản.

➤ **Việc ứng dụng công nghệ hiện đại cùng với các chương trình Ưu đãi hấp dẫn giúp cho số lượng tài khoản của DNSE tăng ấn tượng.**

Số tài khoản khách hàng năm 2021 44.727 tài khoản.

706% so với năm 2020

Số tài khoản mở mới năm 2021 tăng mới 39.179 tài khoản.

39 lần năm 2020

Tăng trưởng giá trị giao dịch và doanh thu phí

Giá trị giao dịch của Khách hàng năm 2021 đã tăng mạnh từ 5.574.4 tỷ năm 2010 lên 57.295 tỷ năm 2021, đạt tỷ lệ tăng trưởng 928%. Theo đó, doanh thu phí giao dịch cũng tăng trưởng gần 500% với 44,9 tỷ đồng. Tổng tài sản ròng của Khách hàng được quản lý tại DNSE đạt 26.592 tỷ đồng, tăng hơn 10 lần so với năm 2020.

Tiêu chí	Năm	2018	2019	2020	2021
Giá trị giao dịch		7.601,1	3.323,8	5.574,4	57.259
Phí giao dịch		10,1	5,1	7,5	44,9

Với kết quả giao dịch như trên, kết thúc năm 2021, thị phần giao dịch của DNSE trên toàn thị trường đạt 0,71%. Nổi bật nhất, số lượng giao dịch đến từ DNSE chiếm 2% trên sàn HNX.

Nâng cao chất lượng dịch vụ

Bên cạnh sự phát triển về dịch vụ giao dịch trực tuyến, dịch vụ chăm sóc khách hàng cũng được thực hiện đa dạng qua các kênh: trực tiếp, tổng đài, email, chat, mạng xã hội... giúp khách hàng có thể dễ dàng, thuận tiện và chủ động liên lạc bất cứ khi nào cần hỗ trợ. Trình độ, tâm thức phục vụ khách hàng luôn được cải thiện để thu hút và mang lại sự tin tưởng cho Khách hàng khi đến với DNSE.

HOẠT ĐỘNG SẢN PHẨM TÀI CHÍNH

Năm 2021 tiếp tục là năm DNSE tập trung nguồn lực nhân sự và tài chính cho việc phát triển dịch vụ và sản phẩm tài chính như một trong những sản phẩm cốt lõi của Công ty. Trong bối cảnh thị trường nhiều diễn biến phức tạp, DNSE vẫn duy trì tập trung vào chất lượng dịch vụ, đảm bảo chính sách cho vay thận trọng, an toàn và tuân thủ các quy định của pháp luật nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho DNSE và Khách hàng nhưng vẫn góp phần tạo nên doanh thu cho Công ty và thúc đẩy cải thiện thị phần giao dịch.

Hệ thống quy chế, quy trình, các tiêu chí xây dựng danh mục cho vay giao dịch ký quỹ được xây dựng và cập nhật thường xuyên đảm bảo tuân thủ các quy định của UBCK. Hoạt động cho vay ký quỹ hoàn toàn nằm trong phạm vi kiểm soát rủi ro chặt chẽ nhờ sự phối hợp kiểm tra kiểm soát nhiều vòng của các bộ phận Sản phẩm Tài chính, Quản trị Rủi ro, Kế toán tài chính và rà soát hậu kiểm định kỳ của Kiểm toán Nội bộ cùng Kiểm soát Nội bộ. Danh mục giao dịch ký quỹ được quản lý và theo dõi chặt chẽ phù hợp với diễn biến của thị trường. Nhờ chính sách kiểm soát rủi ro chặt chẽ vừa tạo điều kiện cho Khách hàng thực hiện giao dịch đầu tư linh hoạt, an toàn vừa đảm bảo bảo toàn vốn cho Công ty, năm 2021 DNSE không phát sinh nợ xấu.

Doanh thu từ cho vay giao dịch ký quỹ năm 2021 đạt gần 23% so với Tổng doanh thu, có mức tăng trưởng hơn so với năm 2020 là 13% bao gồm cả hoạt động ứng trước tiền bán. Tăng trưởng cho vay giao dịch ký quỹ luôn là một trong những mục tiêu phát triển của DNSE xuyên suốt các thời kỳ.

Kế hoạch năm 2022: DNSE đang triển khai dự án sản phẩm tài chính với cấu trúc đa dạng về nguồn cho vay, lãi suất và phí giao dịch linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của các tệp khách hàng khác nhau. Bên cạnh đó, bộ phận Sản phẩm tài chính phối hợp với Bộ phận Công nghệ thông tin và Quản trị rủi ro xây dựng hệ thống sản phẩm “Cho vay thông minh” để nhận diện khách hàng và sàng lọc cổ phiếu hiện đại, chuẩn xác, cải thiện chất lượng cho vay giao dịch ký quỹ hiệu quả, góp phần thúc đẩy giao dịch và tăng trưởng thị phần của DNSE trong giai đoạn sắp tới.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: triệu đồng

1. Kết quả kinh doanh	Năm 2021	Năm 2020	%+-
Tổng giá trị tài sản	2.315.226	187.309	1.136,04%
Doanh thu thuần	180.691	21.631	735,32%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	63.170	2.854	2.113,67%
Lợi nhuận khác	4.956	-28	17.544,74%
Lợi nhuận trước thuế	68.126	2.825	2.311,35%
Lợi nhuận sau thuế	54.470	2.153	2.430,36%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	%+-
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	-	-	-
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,820	7,576	-76%
Hệ số thanh toán nhanh	1,820	7,576	-76%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	-	-	-
Hệ số nợ/ tổng tài sản	0,5428	0,1240	338%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	1,1871	0,1415	739%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	-	-	-
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,0780	0,1155	-32%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	-	-	-
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,3015	0,0995	203%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,0515	0,0131	292%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0235	0,0115	105%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,3496	0,1319	165%

Chỉ tiêu	31/12/2021	1/1/2021
Tài sản ngắn hạn	2.284.353	170.846
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.022	1.096
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	966.964	105.433
Các khoản cho vay	1.192.495	23.097
Các khoản phải thu	101.639	40.494
Tài sản ngắn hạn khác	2.232	726
Tài sản dài hạn	30.874	16.463
Tài sản tài chính dài hạn	-	-
Tài sản cố định	19.731	6.243
Tài sản dài hạn khác	11.143	10.220
Tổng cộng tài sản	2.315.226	187.309

Chỉ tiêu	31/12/2021	1/1/2021
Nợ ngắn hạn	1.255.363	22.550
Vay ngắn hạn	1.103.860	19.205
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	120.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.042	586
Phải trả người bán ngắn hạn	241	155
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	105	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.276	530
Phải trả người lao động	6.625	256
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.509	1.664
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.704	153
Nợ dài hạn	1.295	673
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.295	673
Tổng nợ phải trả	1.256.658	23.222

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2022

01

Nâng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng

03

Nâng tầm vị thế thương hiệu DNSE tiên phong thị trường Chứng khoán số

02

Niêm yết cổ phiếu DNSE trên sàn Chứng khoán

04

Đa dạng hóa sản phẩm tài chính

Mục tiêu tài chính

Doanh thu hoạt động	956
Doanh thu môi giới	203
Doanh thu tự doanh	20
Doanh thu kinh doanh nguồn	727
Doanh thu IB	6
Chi phí hoạt động	558
Chi phí quản lý	44
Lợi nhuận trước thuế	354
Lợi nhuận sau thuế	283

Tỷ VNĐ



CÔNG NGHỆ LÀ CỐT LÕI PHÁT TRIỂN

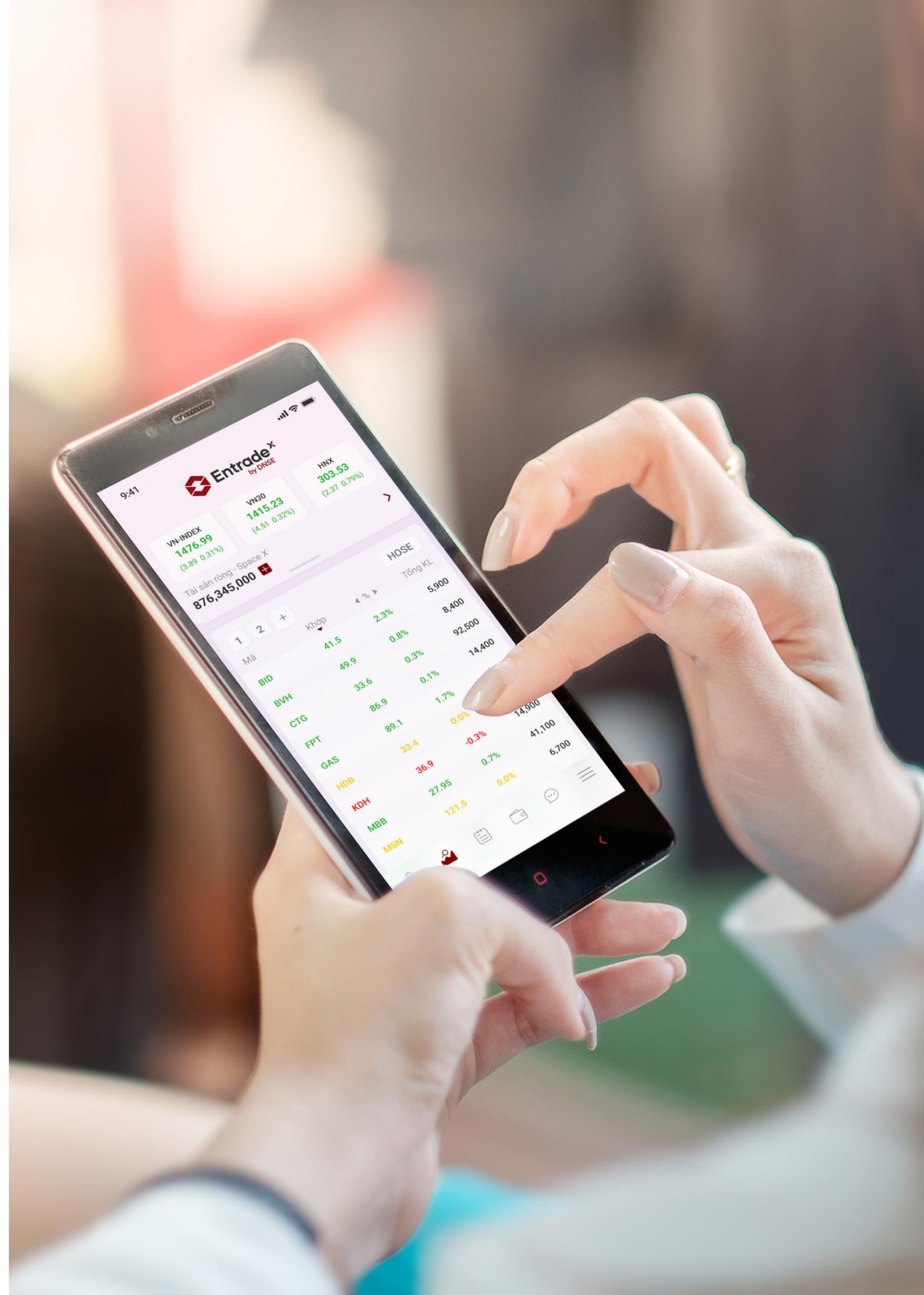
Fintech đã trở thành một hiện tượng, một câu chuyện lớn của thập kỷ trước, trở thành một trong những dấu ấn nhảy vọt về công nghệ trên thế giới, mang đến những sự đổi mới chưa từng có cho lĩnh vực này. Từ ngân hàng sang đầu tư, công nghệ đã tạo ra một cuộc cách mạng trong lĩnh vực tài chính, thay đổi hoàn toàn cách thức vận hành của các doanh nghiệp, cũng như hành vi người dùng. Tại Việt Nam, chỉ mới 5 - 7 năm trước đây, thanh toán không tiền mặt, không thẻ còn là một khái niệm mơ hồ với người dùng. Fintech và làn sóng các ứng dụng thanh toán, ứng dụng ví điện tử đến từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước đổ bộ mạnh mẽ, nhanh chóng giới thiệu và hình thành một thói quen thanh toán mới cho thị trường Việt Nam. Tới nay, đã có tới 57% người tiêu dùng có tới ba ứng dụng ví điện tử trên điện thoại. Đại diện Công ty Tư vấn PwC Việt Nam cũng cho biết, đại dịch Covid-19 đã tạo ra cú huých thúc đẩy thanh toán điện tử bùng nổ, nhanh hơn 3-5 năm về tốc độ áp dụng. Đây chính là cơ hội mới cho toàn bộ hệ sinh thái thanh toán kỹ thuật số, bao gồm các ngân hàng và các công ty công nghệ tài chính (Fintech) và ví điện tử phát triển.

Và hiện nay, công nghệ cũng đã xâm chiếm thị trường chứng khoán trên thế giới, đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi cách các nhà đầu tư tham gia vào thị trường chứng khoán.

Một số doanh nghiệp đã bắt đầu cung cấp nền tảng dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI) thân thiện với người dùng để quản lý danh mục quỹ giao dịch trao đổi, theo mục tiêu và khả năng chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư. Một số nền tảng cung cấp thông tin phân tích theo thời gian thực, được cá nhân hóa theo nhu cầu. Theo phương thức truyền thống, các nhà đầu tư mới, nhà đầu tư bán chuyên vẫn còn phụ thuộc nhất định vào hệ thống môi giới của các công ty Chứng khoán để được cung cấp thông tin, tư vấn đầu tư. Điều này không chỉ gây tốn kém trong chi phí vận hành cho doanh nghiệp, mà còn tạo ra nhiều chi phí cơ hội không đáng có cho nhà đầu tư do không tối ưu được nguồn lực, thời gian, chịu rủi ro về các đánh giá mang yếu tố con người.

Trong Fintech, ứng dụng công nghệ cho phép các nhà đầu tư lựa chọn dựa trên thuật toán, từ đó đưa ra các dự đoán thị trường thông minh hơn và lập chiến lược ra quyết định để tối đa hóa lợi tức đầu tư của họ. Đối với thể hệ nhà đầu tư mới (FO) tham gia vào thị trường chứng khoán, nơi thông tin và tốc độ trở thành yếu tố sống còn; công nghệ sẽ trở thành trợ thủ đắc lực, dân chủ hóa, đơn giản hóa hành trình đầu tư.

Kiên trì với sứ mệnh “Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt” và tầm nhìn “Kết nối nguồn vốn thông qua công nghệ”, công nghệ sẽ tiếp tục được đặt làm trọng tâm phát triển, tạo ra làn sóng mới khác biệt cho DNSE và thể hiện vai trò tiên phong dẫn dắt thị trường Chứng khoán số Việt Nam. Tập trung đầu tư về hệ thống nền tảng và phát triển sản phẩm cơ bản trong hai năm 2020 - 2021, năm 2022 được kỳ vọng sẽ là một năm bứt phá, tạo sóng với các tính năng & sản phẩm tài chính ứng dụng công nghệ của DNSE.



HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN

- › Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng, gấp 3 lần vốn điều lệ năm 2021, đưa DNSE trở thành Top 10 CTCK sở hữu vốn lớn nhất Việt Nam
- › Định hướng cho năm 2022, DNSE đánh giá trái phiếu sẽ tiếp tục là kênh huy động vốn ổn định và hiệu quả cho doanh nghiệp trong giai đoạn sắp tới.
- › Tiếp tục mở rộng và phát triển mạnh hoạt động đầu tư, nắm bắt triệt để cơ hội thị trường nhưng vẫn đảm bảo rủi ro nằm trong phạm vi cho phép.
- › Cho ra mắt thêm các sản phẩm tài chính vượt trội nhằm gia tăng trải nghiệm và lợi ích cho nhà đầu tư. Các sản phẩm này được DNSE xây dựng và thẩm định kỹ lưỡng trong thời gian dài trước khi cho ra mắt, đáp ứng tiêu chí an toàn, chất lượng và nâng cao hiệu quả đầu tư cho khách hàng.

ĐẨY MẠNH THỊ PHẦN

Với sự đầu tư nghiêm túc cho công nghệ, nguồn vốn và sản phẩm tài chính; 2022 được kỳ vọng sẽ là năm bứt tốc của DNSE trong cuộc chiến giành thị phần. Trong bối cảnh thị trường Chứng khoán được dự báo sẽ chứng kiến nhiều thách thức và đà tăng trưởng chậm lại so với giai đoạn 2 năm trước đây; các chương trình ưu đãi, tặng thưởng sẽ tiếp tục được triển khai nhằm thúc đẩy nhu cầu mở tài khoản của khách hàng.

CHỈ TIÊU	ENTRADE X
Tổng số lượng tài khoản lũy kế	500.000
Số lượng tài khoản active	10%
Tiền của NĐT	2.500
NAV (tỷ đồng)	150.000
Thị phần	3,59%

Hoạt động truyền thông - Marketing được coi là một trong 4 mũi nhọn chính trong mục tiêu phát triển của năm 2022. Dù là một thương hiệu non trẻ, sứ mệnh lớn lao và những sản phẩm số của DNSE sẽ được lan tỏa mạnh mẽ, ghi dấu hình ảnh “người tạo sóng” trẻ trung, đổi mới trên thị trường tài chính - chứng khoán. Thương hiệu DNSE sẽ đồng hành, cộng tác cùng các Đài Truyền hình Việt Nam, các trang báo, trang tin tức uy tín để cung cấp cho cộng đồng những thông tin mới và chuyên sâu về thị trường, giúp ích cho nhà đầu tư trong quá trình đưa ra quyết định đầu tư.

Các hoạt động này cũng sẽ khẳng định sự uy tín của doanh nghiệp, chuyên môn sâu rộng của đội ngũ chuyên gia, tăng niềm tin đối với khách hàng hiện hữu và tiềm năng. Các hoạt động truyền thông lan tỏa trên nền tảng đa phương tiện đại chúng không chỉ phục vụ mục tiêu thúc đẩy thị phần, mà còn củng cố vị thế của doanh nghiệp lọt Top 10 Công ty Chứng khoán có vốn lớn nhất Việt Nam sau khi hoàn thành tăng vốn lên 3.000 tỷ của DNSE.

Về dịch vụ, DNSE cũng sẽ tập trung nhiều hơn vào hệ thống chăm sóc khách hàng tối ưu để có thể đáp ứng được mọi nhu cầu của khách hàng một cách nhanh nhất kể từ khi Khách hàng tìm hiểu cho đến khi trải nghiệm dịch vụ của DNSE. Các quy trình, hệ thống chăm sóc, tư vấn khách hàng, phát triển kinh doanh sẽ được tự động hóa để mang đến sự thuận tiện nhất cho cho đội ngũ DNSE thực hiện sứ mệnh của mình và nâng cao năng lực phục vụ của bản thân.

Năm 2022, dịch vụ khách hàng của DNSE với thông tin tư vấn chính xác, kênh chăm sóc đa dạng, tốc độ xử lý nhanh chóng và thái độ phục vụ đúng mực là mục tiêu đội ngũ Dịch vụ khách hàng và đội ngũ Kinh doanh DNSE đã và đang hướng tới. Đây cũng sẽ là một trong các điểm mạnh để giúp DNSE trở nên khác biệt và tăng sức cạnh tranh trên thị trường chứng khoán trong thời gian tới.

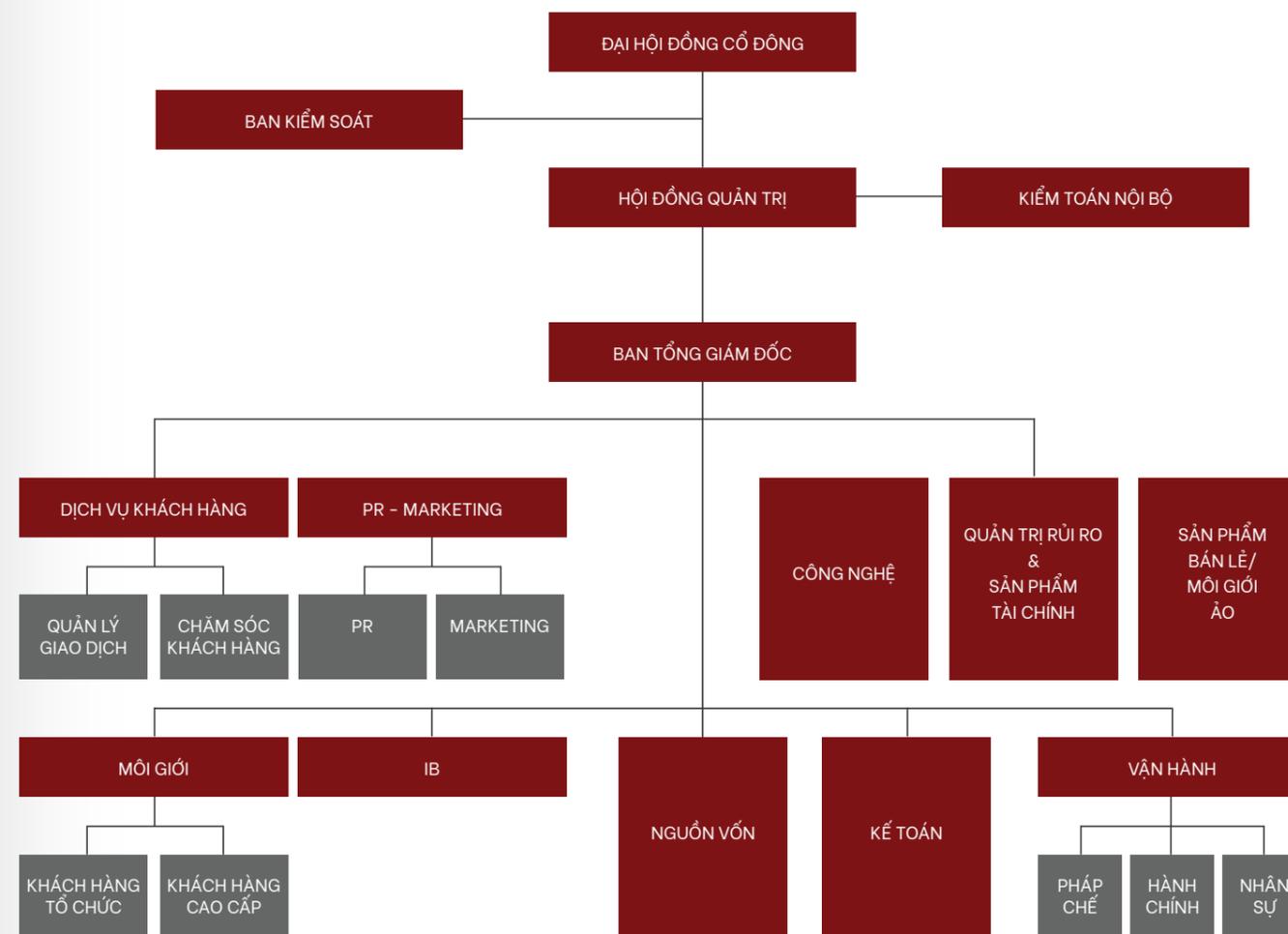
XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ

- › Đẩy mạnh các hoạt động phát triển Thương hiệu Nhà Tuyển dụng, chuẩn hóa quy trình tuyển dụng, áp dụng Công nghệ vào quy trình đánh giá và sàng lọc để đảm bảo nguồn cung ứng nhân tài cho nhu cầu phát triển và mở rộng Doanh nghiệp.
- › Xây dựng và đẩy mạnh chương trình “Phát triển và gìn giữ nhân tài”, xây dựng tập thể không ngừng học tập. Tạo điều kiện để CBNV tham gia các lớp đào tạo của Sở giao dịch, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung Tâm đào tạo. Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ kỹ năng mềm, các buổi thảo luận định kỳ giữa các nhóm nội bộ cũng như liên kết với các đơn vị đào tạo hàng đầu cho các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng đội ngũ quản trị.

“ Văn hóa doanh nghiệp chia sẻ, hỗ trợ, hợp tác “

- › Cải tiến hệ thống tiêu chí đánh giá KPI phù hợp với mức độ tăng trưởng của Doanh nghiệp, phạm vi công việc nhân viên được giao quyền, trên tinh thần đảm bảo sự công bằng, đánh giá khách quan, minh bạch và được đo lường cụ thể
- › Phát triển chính sách lương thưởng, phúc lợi cạnh tranh với thị trường, thể hiện đúng mức độ đóng góp của nhân viên vào hoạt động phát triển kinh doanh của Doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo an toàn lao động trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC 2022



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị (HĐQT) DNSE đã tổ chức 24 cuộc họp định kỳ, bất thường qua nhiều phương thức khác nhau để kịp thời đưa ra các quyết định/nghị quyết liên quan đến việc tổ chức và hoạt

động của Công ty. Đồng thời, các cuộc họp diễn ra nhằm đảm bảo việc ứng phó linh hoạt với các diễn biến của thị trường, với tỷ lệ thông qua và thống nhất cao.

Chi tiết các Nghị quyết/Quyết định đã được thông qua:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01.1/2021/NQ-DNSE-HĐQT	05/01/2021	1 Đầu tư trái phiếu	100%
2	01/2021/NQ-HĐQT	27/01/2021	Đầu tư tự doanh	100%
3	02/2021/NQ-DNSE-HĐQT	18/02/2021	Họp ĐHĐCĐ thường niên	100%
4	03/2021/NQ-DNSE-HĐQT	11/03/2021	Đầu tư tự doanh	100%
5	04/2021/NQ-DNSE-HĐQT	26/03/2021	Họp ĐHĐCĐ bất thường lần 1	100%
6	04.1/2021/NQ-DNSE-HĐQT	29/03/2021	Đầu tư tự doanh	100%
7	04.2/2021/NQ-DNSE-HĐQT	21/04/2021	Đầu tư tự doanh	100%
8	05/2021/NQ-DNSE-HĐQT	22/04/2021	Phương án chào bán cổ phần	100%
9	06/2021/NQ-DNSE-HĐQT	13/05/2021	Ủy quyền cho Tổng giám đốc	100%
10	07/2021/NQ-DNSE-HĐQT	14/05/2021	Ban hành Điều lệ	100%
11	08/2021/NQ-DNSE-HĐQT	04/06/2021	Chào bán cổ phần	100%
12	09/2021/NQ-DNSE-HĐQT	23/06/2021	Xử lý cổ phiếu không chào bán hết	100%
13	10/2021/NQ-DNSE-HĐQT	02/07/2021	Kết quả chào bán cổ phần	100%
14	11/2021/NQ-DNSE-HĐQT	08/07/2021	Hạn mức đầu tư	100%
15	12/2021/NQ-DNSE-HĐQT	26/07/2021	Đầu tư giấy tờ có giá	100%
16	13/2021/NQ-DNSE-HĐQT	02/08/2021	Đổi tên công ty	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	14/2021/NQ-DNSE-HĐQT	25/08/2021	Ban hành Điều lệ	100%
18	15/2021/NQ-DNSE-HĐQT	26/08/2021	Đổi tên Chi nhánh	100%
19	16/2021/NQ-DNSE-HĐQT	01/09/2021	Ban hành quy chế Quản trị rủi ro	100%
20	17/2021/NQ-DNSE-HĐQT	21/09/2021	Tài khoản chứng chỉ quỹ	100%
21	18/2021/NQ-DNSE-HĐQT	12/10/2021	Phát hành trái phiếu	100%
22	19/2021/NQ-DNSE-HĐQT	21/11/2021	Ban hành Điều lệ	100%
23	20/2021/NQ-DNSE-HĐQT	26/11/2021	Họp ĐHĐCĐ bất thường lần 2	100%
24	21/2021/NQ-DNSE-HĐQT	28/12/2021	Phương án phát hành cổ phần	100%

HĐQT đã thực hiện đầy đủ và thường xuyên giám sát đối với hoạt động điều hành Công ty của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT, bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

Về thù lao, trong năm 2021, HĐQT từ chối nhận thù lao để hỗ trợ công ty trong giai đoạn chuyển đổi.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

DNSE kết thúc năm 2021 với các số liệu tài chính như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	% so với KH 2021
Doanh thu	109,52	186,61	170,4%
Chi phí	89,48	118,48	132,4%
Lợi nhuận trước thuế	20,04	68,12	340%

Năm 2021, do sự mở rộng quy mô hoạt động và đầu tư cơ sở hạ tầng, chi phí đã tăng 132,4% so với kế hoạch đề ra, tuy nhiên doanh thu thực hiện và lợi nhuận trước thuế đã vượt xa kế hoạch đề ra, đạt tương ứng 170,4% và 340%, vốn chủ sở hữu tăng lên 164 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 187,3 tỷ đồng.

Với các kết quả đạt được, HĐQT ghi nhận Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực điều hành hoạt động kinh doanh của DNSE trong năm 2021 một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Ngoài ra, trong năm 2021, Công ty cũng đã đẩy mạnh cải tiến quản trị điều hành, hệ thống công nghệ, bổ sung nhiều dịch vụ và tính năng giao dịch cho Khách hàng trên ứng dụng ENTRADE X, mang lại trải nghiệm tốt cho khách hàng.

Qua việc giám sát và đánh giá sự tuận thủ, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt việc điều hành kinh doanh của Công ty. Trong quá trình điều hành, Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty đã tuân thủ đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế quản trị cũng như các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT.

MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Trước những diễn biến kéo dài của dịch bệnh Covid-19, tác động tiêu cực ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu, HĐQT nhận định năm 2022 sẽ là một năm đầy thách thức, nhưng cũng mang tới nhiều cơ hội trong công tác hoạch định chiến lược, điều hành và quản trị rủi ro của Công ty.

Năm 2022, DNSE tiếp tục tập trung phát triển nền tảng công nghệ để mang lại giải pháp giao dịch thuận tiện nhất, ưu việt nhất, nhanh chóng nhất và tiết kiệm chi phí nhất cho khách hàng,

Chỉ tiêu tài chính 2022

Doanh thu
956 tỷ đồng

Chi phí
602 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế
354 tỷ đồng

Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng năm 2022

Tỷ lệ phát hành
1:2

Khối lượng phát hành
200.000.000 cổ phần

Tổng giá trị phát hành
2.000.000.000.000 VND

Đối tượng phát hành
Cổ đông hiện hữu



Giá phát hành
10.000 VND/CP

Phương án sử dụng vốn
Tăng vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty

Thời gian triển khai
Quý I/2022

THỰC HIỆN XIN CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH CHO CÔNG TY

Bên cạnh đó, DNSE sẽ tiếp tục đa dạng mô hình kinh doanh để tối ưu được các giá trị về tài sản, vốn và cơ hội kinh doanh trong suốt chặng đường mới. Năm 2022 cũng là cơ hội để DNSE tiếp tục chuyên môn hóa đội ngũ, xây dựng lại văn hóa làm việc chuyên nghiệp trên cơ sở các giá trị cốt lõi của Công ty.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Ngày bổ nhiệm	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Liên	07/07/2020	Trưởng ban
2	Ông Nguyễn Quang Sơn	07/07/2020	Thành viên
3	Bà Phạm Thu Quỳnh	07/07/2020	Thành viên

Thành viên Ban kiểm soát

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát theo chuẩn áp dụng đối với công ty đại chúng, nâng cao năng lực tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đối với Công ty.

Cũng trong năm 2021, Công ty đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (tên cũ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam), thực hiện tăng vốn thành công lên 1000 tỷ đồng và hoàn thành việc bổ sung, cấp phép cho nhiều nghiệp vụ như bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phân phối chứng chỉ quỹ,...

Trong năm 2021, căn cứ vào Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát đã thực hiện các chức năng và nhiệm vụ sau đây:

- 1** Phối hợp với Ban điều hành để thực hiện hai đợt đánh giá tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh cũng như thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2021;
- 2** Giám sát kiểm tra tình hình tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, quy chế của Công ty cũng như tính hợp lý trong việc điều hành kinh doanh và phân bổ nguồn lực để triển khai các kế hoạch kinh doanh;
- 3** Phối hợp với Ban điều hành thực hiện kiểm tra chi tiết một số nghiệp vụ và chức năng nhiệm vụ, quy trình hoạt động của một số bộ phận như:

 - Tổ chức hoạt động tự doanh, hoạt động đầu tư trái phiếu, các giao dịch với bên liên quan;
 - Tổ chức hoạt động giao dịch ký quỹ, hoạt động môi giới và các hoạt động nghiệp vụ liên quan;
 - Rà soát các vấn đề liên quan tới hệ thống giao dịch, các dự án phát triển phần mềm và hạ tầng công nghệ, dự án kết nối hệ thống với các đối tác, ngân hàng;
 - Việc tổ chức và phát triển nhân sự, bộ máy hoạt động,....;
 - Việc chuẩn bị cơ sở hạ tầng, hệ thống nội bộ, đội ngũ nghiệp vụ cho các nghiệp vụ mới được cấp phép (bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phân phối chứng chỉ quỹ).

BAN KIỂM SOÁT ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DNSE

Đánh giá về các mục tiêu tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh của DNSE năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	% so với KH 2021
Doanh thu	109,52	186,61	170,4%
Chi phí	89,48	118,48	132,4%
Lợi nhuận trước thuế	20,04	68,12	340%

Năm 2021, mặc dù chi phí đã tăng 132,4% so với kế hoạch đề ra, tuy nhiên doanh thu thực hiện và lợi nhuận trước thuế đã vượt xa kế hoạch đề ra, đạt tương ứng 170,4% và 340%, vốn chủ sở hữu tăng lên 164 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 187,3 tỷ đồng.

Với các kết quả đạt được, Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của DNSE trong năm 2021 là hiệu quả, các hoạt động được tổ chức cơ bản an toàn, đảm bảo hoạt động phát triển cũng như kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công ty.

Với các kết quả đạt được, Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của DNSE trong năm 2021 là hiệu quả, các hoạt động được tổ chức cơ bản an toàn, đảm bảo hoạt động phát triển cũng như kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công ty.

Trong năm 2021 dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 gây ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng, tuy nhiên với những kết quả đạt được, DNSE hoàn toàn có thể lạc quan với sự phát triển theo kế hoạch và mục tiêu những năm tiếp theo.

Đánh giá về hoạt động quản trị

Nhìn chung các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

Công ty cũng đã tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Năm 2021 cũng ghi nhận sự tích cực trong hoạt động của HĐQT và Ban điều hành mới trong việc triển khai phát triển kinh doanh, xây dựng đội ngũ điều hành và đội ngũ quản lý cấp trung.

Đánh giá về hệ thống kế toán

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG, là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2021 là một năm đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19 có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Với sự cạnh tranh và phát triển ngành càng ngày càng lớn mạnh, việc cung cấp các dịch vụ và sản phẩm tài chính cũng như hoạt động của công ty chứng khoán ngày được mở rộng. Cấu trúc sản phẩm đa dạng, có mức độ phức tạp cao nên hoạt động Quản trị rủi ro (“QTRR”) càng được chú trọng để giảm thiểu tổn thất tài chính cũng như các tổn thất không mong muốn khác có thể xảy ra.

Trong bối cảnh đó, tại DNSE, hệ thống chính sách và quy trình QTRR tiếp tục được nâng cấp, cải thiện, sử dụng các công cụ quản trị tự động, nhằm đảm bảo hoạt động quản trị rủi ro phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh của công ty. Hoạt động QTRR được thực hiện xuyên suốt từ trên xuống dưới, ở tất cả các phòng ban, cá nhân kết hợp với sự giám sát, kiểm tra định kỳ thường xuyên từ các bộ phận QTRR, Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ.

Bộ phận QTRR được tổ chức, sắp xếp, sử dụng các công cụ, nền tảng hệ thống để đánh giá, phân loại chi tiết từng rủi ro để đảm bảo mức độ chuyên môn hóa cao.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

Nhận diện rủi ro

Dựa trên bối cảnh của nền kinh tế, các lĩnh vực hoạt động kinh doanh trọng yếu của công ty, bộ phận QTRR nhận diện và xác định các loại rủi ro có thể xảy ra, ảnh hưởng đến từng sản phẩm, dịch vụ, từng hoạt động nghiệp vụ chuyên biệt và các bộ phận của công ty. Từ đó xây dựng các công cụ và cách thức đo lường, giám sát rủi ro toàn diện.

Việc nhận diện rủi ro cần đảm bảo từ các rủi ro đơn lẻ và các rủi ro liên đới mang tính hệ thống, có khả năng gia tăng xác suất tổn thất cho công ty.

Đo lường rủi ro

Công tác đo lường rủi ro được thực hiện thường xuyên, định kỳ dựa trên các cơ sở phân tích, đánh giá ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các loại rủi ro đối với mức độ an toàn vốn và khả năng đạt kế hoạch, mục tiêu kinh doanh cũng như quy mô hoạt động của DNSE theo các giai đoạn phù hợp.

DNSE xây dựng các phương pháp đo lường rủi ro bao gồm phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Ưu tiên phương pháp định lượng để lượng hóa rủi ro. Các mô hình này có thể tính toán, ước lượng được giá trị rủi ro, cụ thể như giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro hoạt động, giá trị rủi ro thanh khoản và các giá trị rủi ro khác...

Giám sát rủi ro

Trong từng mảng hoạt động kinh doanh, sản phẩm dịch vụ mà DNSE xây dựng các chỉ số QTRR bao gồm và không hạn chế các chỉ số sau: Hạn mức rủi ro, hạn mức vốn, thẩm quyền phê duyệt, chỉ số an toàn, chỉ số cảnh báo, chỉ số xử lý và các ngưỡng hạn mức rủi ro.

Các chỉ số giám sát này phải được thiết lập thành hệ thống thông tin QTRR trong hệ thống (Công nghệ hóa) để phục vụ cho hoạt động QTRR.

Việc giám sát QTRR được tiến hành thường xuyên liên tục tại mọi cấp từ nhân viên đến các cấp quản lý trên toàn hệ thống.

Xử lý rủi ro

Sau khi xác định và tổng kết rủi ro, DNSE áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro phù hợp với khẩu vị và năng lực rủi ro. Các biện pháp xử lý rủi ro bao gồm: Tránh rủi ro, giảm thiểu rủi ro, chia sẻ rủi ro và chấp nhận rủi ro. Đồng thời xây dựng kế hoạch xử lý rủi ro trong đó nêu rõ trách nhiệm của các bộ phận liên quan đến việc tổ chức triển khai.

Báo cáo rủi ro

Trưởng các phòng ban/ bộ phận nghiệp vụ phải đảm bảo tính chính xác và tính phù hợp của hệ thống báo cáo QTRR theo quy định của pháp luật, quy định của cơ quan quản lý, quy định của DNSE theo từng thời kỳ, đồng thời gửi cho bộ phận QTRR định kỳ, hàng ngày, bất thường.

Bộ phận QTRR gửi báo cáo độc lập tới Ban Tổng giám đốc định kỳ, hàng ngày hoặc bất thường diễn ra theo sự vụ.

**CÁC LOẠI RỦI RO VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ 2021**

Trong hoạt động kinh doanh của DNSE, các loại rủi ro trọng yếu được nhận diện bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro pháp lý, rủi ro thanh khoản và rủi ro hoạt động.

Rủi ro thị trường

Là rủi ro làm thay đổi giá trị tài sản mà DNSE đang sở hữu (nắm giữ) theo chiều hướng bất lợi. Danh mục tài sản mà DNSE sở hữu bao gồm nhưng không hạn chế các loại tài sản sau:

- ▶ Danh mục chứng khoán mà DNSE nhận làm tài sản đảm bảo khi cung cấp các dịch vụ tài chính và các sản phẩm khác;
- ▶ Danh mục chứng khoán mà DNSE đầu tư;
- ▶ Danh mục tài sản khác mà DNSE nắm giữ, đầu tư;

Đối với từng sản phẩm, DNSE thực hiện công tác quản trị rủi ro như sau:

- ▶ Đối với nghiệp vụ đầu tư tiền gửi: DNSE xây dựng hệ thống đánh giá định kỳ định mức tín nhiệm đối với các ngân hàng, định chế tài chính
- ▶ Đối với nghiệp vụ cho vay giao dịch ký quỹ:
Danh mục cho vay giao dịch ký quỹ được xây dựng theo nguyên tắc minh bạch và điều chỉnh theo điều kiện của thị trường và của cổ phiếu nói riêng để xác định tỷ lệ cho vay giao dịch ký quỹ.

Việc xây dựng và phê duyệt danh mục cho vay độc lập với hoạt động kinh doanh để đảm bảo tính độc lập và minh bạch, tuy nhiên vẫn tham khảo ý kiến từ bộ phận kinh doanh để đảm bảo tính cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu kinh doanh;

Xây dựng các chỉ số hạn mức rủi ro, chỉ số an toàn, chỉ số cảnh báo, chỉ số xử lý đối với từng danh mục tài sản và tổng thể cài đặt trên hệ thống công nghệ;

Giám sát sự biến động giá và thanh khoản của các cổ phiếu danh mục dư nợ theo mã chứng khoán.

Rủi ro hoạt động

Là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống trong quá trình vận hành, lỗi khi thực hiện quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp...

Công ty thường xuyên kiểm tra hệ thống cốt lõi, hệ thống đặt lệnh... nhằm đảm bảo tính ổn định, thông suốt của hệ thống;

Mọi quy trình nghiệp vụ đều thực hiện theo nguyên tắc kiểm tra chéo để đảm bảo tính độc lập giữa người thực hiện và người kiểm soát. Nguyên tắc này được áp dụng trong mọi quy trình nghiệp vụ và hoạt động của các phòng ban/ bộ phận.

Rủi ro tín dụng

Là rủi ro xảy ra khi các đối tác của DNSE không thể thanh toán đúng hạn, không có khả năng thanh toán đầy đủ (gốc và lãi) hoặc không chuyển giao tài sản đúng cam kết, tài sản không thanh khoản. Rủi ro này phát sinh trong lĩnh vực tiền gửi với các định chế tài chính ngân hàng hay hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. Vì vậy, DNSE chú trọng việc tuân thủ các hạn mức cho vay đối với từng khách hàng, hạn mức tiền gửi ở các tổ chức tín dụng được đánh giá minh bạch và tính rủi ro thấp.

➤ Đối với hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ:

Xây dựng hạn mức cho vay phù hợp theo đối tượng khách hàng, khung phê duyệt theo trách nhiệm và tín nhiệm của khách hàng, đảm bảo cho vay an toàn đúng người, đúng thời điểm;

Phân lớp cổ phiếu để xây dựng các sản phẩm tín dụng phù hợp;

Đối với từng sản phẩm có quy trình đề xuất, đánh giá thẩm định và phê duyệt phù hợp;

Chuẩn hóa tính pháp lý của các sản phẩm, hợp đồng, biểu mẫu tín dụng;

Báo cáo theo dõi tài sản đảm bảo hàng ngày, theo dõi các biến động bất thường để có hướng xử lý kịp thời;

Giám sát dư nợ theo khách hàng, theo mã cổ phiếu;

Nghiệp vụ xử lý call margin được tách bạch khỏi bộ phận kinh doanh để đảm bảo tính minh bạch và xử lý kịp thời

Xây dựng Tổng hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ, hạn mức tối đa trên một khách hàng, hạn mức tối đa trên một mã cổ phiếu;

Rủi ro pháp lý

Là rủi ro xảy ra khi không tuân thủ các quy định của pháp luật vì lí do chủ quan hay khách quan dẫn đến DNSE bị áp dụng các chế tài xử lý của các cơ quan có thẩm quyền hoặc khách hàng khiếu kiện gây tổn thất cho DNSE (tài sản, con người, danh tiếng, thương hiệu).

DNSE đã thành lập bộ phận pháp chế với mục đích:

Theo dõi, nghiên cứu, bình luận các thông tin pháp luật liên quan; phổ biến kịp thời các thông tin pháp luật;

Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc, các phòng ban trong việc xây dựng các quy chế, quy định, ủy quyền phục vụ cho công tác quản trị điều hành;

Phối hợp với các phòng ban rà soát tính pháp lý khi xây dựng các sản phẩm, hợp đồng biểu mẫu;

Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng và pháp luật.

Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro xảy ra khi DNSE không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Đối với rủi ro này, DNSE luôn thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ bằng các hoạt động sau:

Xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm cho từng hoạt động, nghiệp vụ;

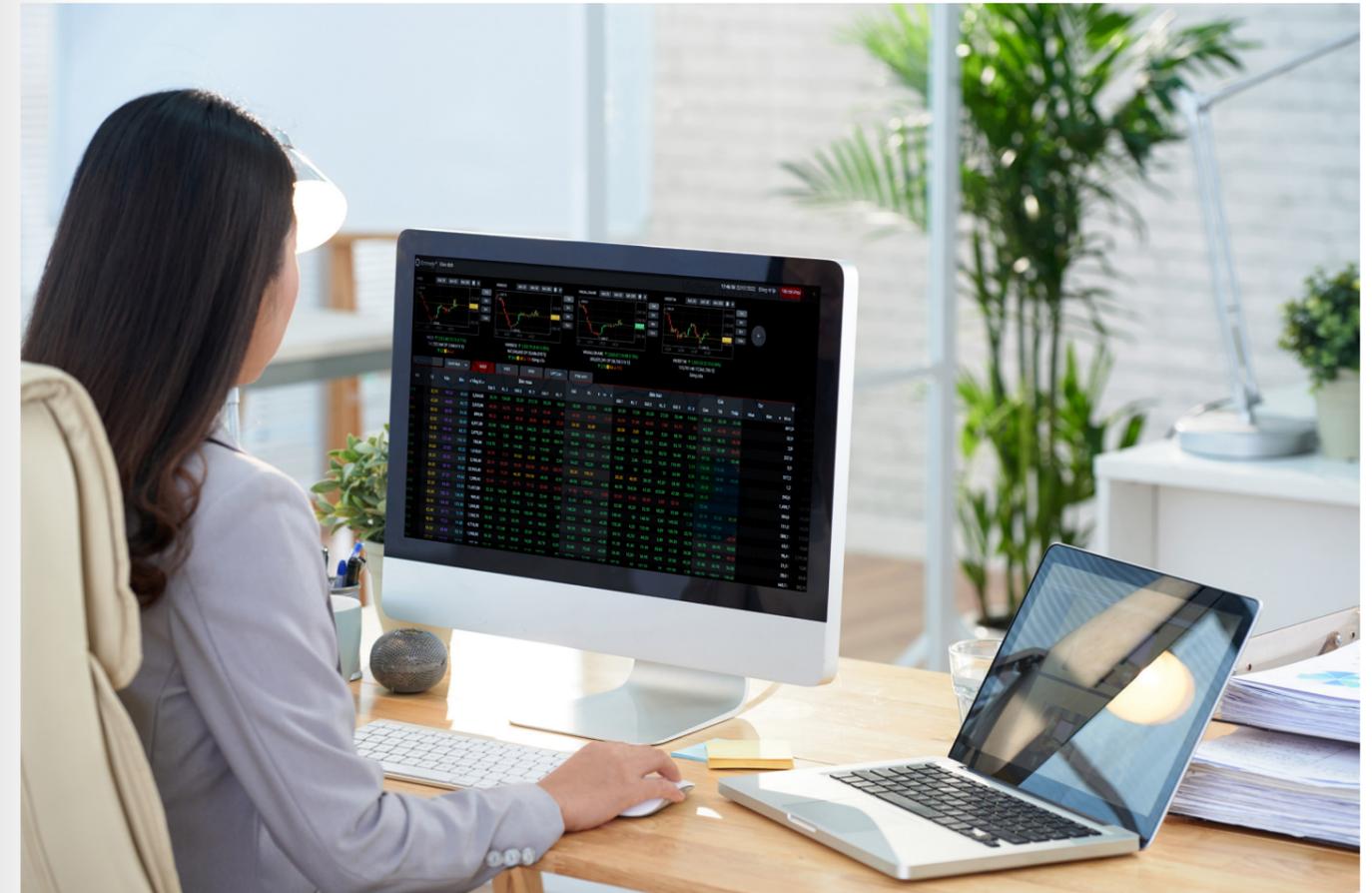
Xác định hạn mức rủi ro cho từng hoạt động;

Cân khớp dòng tiền hàng ngày, tháng, quý, năm;

Theo dõi sát tính thanh khoản của tài sản để có thể xử lý kịp thời;

Duy trì hạn mức thấu chi tại các ngân hàng đối tác.

Tuân thủ nghiêm túc các quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



ĐỊNH HƯỚNG NHÂN SỰ

Trong chiến lược phát triển của DNSE, nhân lực được xác định là yếu tố hạt nhân quyết định thành công. Để xây dựng, phát triển và duy trì nguồn nhân lực chất lượng, DNSE đã đưa ra những hoạch định và giải pháp mang tính lâu dài theo định hướng phát triển bền vững. Trong năm 2021, quy mô nhân sự của DNSE đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, chứng kiến sự gia nhập của 30 vị trí – là những nhân tài thu hút từ thị trường – với sự đa dạng về năng lực và văn hóa, góp phần thúc đẩy sức mạnh nguồn lực của tổ chức.

Đồng thời DNSE cũng hướng đến sự tinh gọn và xây dựng mô hình tối giản đội ngũ nhân sự, gia tăng cơ hội phát triển/thử thách, trải nghiệm phạm vi công việc mở rộng, nâng cao quyền hạn cho CBNV cũng như phát huy mạnh mẽ tính liên kết công việc giữa các chức năng.

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Chính sách thu hút, đào tạo và giữ chân nhân tài:

Khoảng cách giữa nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao về Khối Công Nghệ và Khối Vận hành so với lượng cung ứng lao động trên thị trường tạo nên bài toán cạnh tranh khốc liệt cho Doanh nghiệp. Do vậy, để đáp ứng được yêu cầu về quy mô phát triển nhân lực, DNSE đã xây dựng và thực thi nhiều chính sách tuyển dụng đa dạng:

Chính sách thu hút nhân tài không cạnh tranh bằng lương mà bằng cam kết lâu dài, lộ trình phát triển sự nghiệp và chia sẻ thành quả.

Chính sách Thực tập sinh tài năng: thu hút các sinh viên giỏi, tài năng nhằm tạo nguồn nhân lực trẻ, chất lượng để xây dựng đội ngũ kế thừa.

Chính sách giới thiệu ứng viên: với mức thưởng hấp dẫn, tạo động lực tích cực cho nhân viên giới thiệu nguồn nhân tài cho Doanh nghiệp. Mỗi thành viên trong Công ty trở thành một đại sứ văn hóa doanh nghiệp; lan tỏa về môi trường làm việc, chính sách phúc lợi đến các ứng viên tiềm năng nhằm thu hút nhân tài cũng như gia tăng thương hiệu tuyển dụng của công ty.



Bên cạnh đó, DNSE cũng chú trọng công tác đào tạo, nâng cao kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ của CBNV để đáp ứng lộ trình phát triển của CBNV cũng như tình hình tăng trưởng kinh doanh của doanh nghiệp. Các khóa đào tạo chuyên môn về chứng khoán, đào tạo người hành nghề chứng khoán, các khóa tham gia tập huấn, đào tạo của Sở giao dịch, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm đào tạo thường xuyên được doanh nghiệp tạo điều kiện hỗ trợ cho CBNV thuộc các bộ phận chuyên môn tham gia.

Các hoạt động đào tạo nội bộ cũng được DNSE đẩy mạnh nhằm nâng cao trình độ, hỗ trợ và trao đổi kiến thức giữa CBNV, giữa Ban lãnh đạo/nhóm Quản lý và CBNV thông qua chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức trên công việc thực tế, các buổi thảo luận định kỳ.

Chính sách phúc lợi:

Chính sách lương thưởng: đóng góp của CBNV trong hiệu quả kinh doanh của Doanh nghiệp được ghi nhận công bằng. DNSE đảm bảo mức lương cạnh tranh trên thị trường và các chế độ khen thưởng, phúc lợi tương xứng với đánh giá kết quả công việc và những đóng góp tích cực cho Công ty.

Tạo môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện, văn hóa cởi mở, đảm bảo tính kết nối và thông suốt giữa các bộ phận, các cá nhân khi hợp tác trong công việc và kéo gần khoảng cách giữa lãnh đạo và cán bộ nhân viên.

Các chương trình gắn kết nội bộ trở thành hoạt động định kỳ và văn hóa đặc trưng tại công ty: hoạt động tham quan – nghỉ mát giúp cán bộ nhân viên gắn kết và tái tạo năng lượng, chương trình tài năng lập trình – Hackathon, khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại các bệnh viện uy tín hàng đầu về chất lượng và dịch vụ.

Văn hóa doanh nghiệp:

DNSE không ngừng xây dựng và củng cố văn hóa Doanh nghiệp: sự thụ động được thay thế bằng sự chủ động nhận diện, chủ động đề xuất, cũng như không ngừng sáng tạo, nhạy bén tiếp thu tư duy công nghệ và ứng dụng thực tiễn tại doanh nghiệp; từ đó hình thành văn hóa hợp tác để thay đổi cả về nhận thức số hóa lẫn hành vi số hóa.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI XÃ HỘI, NHÀ NƯỚC VÀ CỔ ĐÔNG

DNSE luôn cam kết làm tròn nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, đóng góp vào sự phát triển, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Chúng tôi luôn sẵn sàng tạo cơ hội và hỗ trợ cho các em thực tập sinh được đào tạo thông qua làm việc và trải nghiệm môi trường làm việc thực tế, sẵn sàng cho hành trình khởi nghiệp của các em sau khi kết thúc học tập. Với nguyên tắc tuân thủ tốt các chính sách, pháp luật của nhà nước và đạo đức kinh doanh, chúng tôi luôn minh bạch và kịp thời với công tác công bố thông tin và trong quan hệ cổ đông. Thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, báo cáo thường niên và báo cáo cổ đông hàng tháng, quý, năm, các cổ đông luôn nhận được đầy đủ thông tin về kết quả kinh doanh cũng như các hoạt động chiến lược phát triển của Công ty trong từng thời kỳ.

Trong năm 2021, DNSE cũng đã chủ động ứng phó với tình hình diễn biến phức tạp của Covid-19. chung tay cùng cộng đồng để phòng ngừa, hạn chế lây lan và giảm thiểu tối đa thiệt hại từ các biến chứng khó lường của đại dịch, tham gia ủng hộ Quỹ vắc-xin phòng chống Covid-19. Đồng thời, các phương án dự phòng đã được xây dựng nhằm duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp, không gây nhiều biến động, và sẵn sàng tăng tốc khi cần. Trụ sở giao dịch, văn phòng làm việc tuân thủ nghiêm ngặt khuyến cáo 5K của Bộ Y tế, thường xuyên phun khử khuẩn nhằm đảm bảo môi trường làm việc an toàn. Sức khỏe của CBNV Công ty được chú trọng quan tâm. 100% CBNV được hỗ trợ tiêm phòng 2 mũi vaccine, thường xuyên bố trí test định kỳ, và được tạo điều kiện làm việc luân phiên cũng như hỗ trợ chi trả đầy đủ lương, các chế độ phúc lợi trong giai đoạn điều trị Covid-19.



BÁO CÁO



TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 62/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 10 năm 2007 và các văn bản sửa đổi khác. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 86/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 10 năm 2021. Công ty thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102459106, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 6, tòa nhà Pax Sky, số 63 - 65 Ngô Thì Nhậm, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Chi nhánh nằm tại địa chỉ Tầng 3, tòa nhà DAG Holdings, số 87A đường Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; theo quyết định thành lập số 132/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 16 tháng 3 năm 2021.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Thời gian bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch	Tháng 07/2020
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Chủ tịch	Tháng 07/2020
Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Thành viên	Tháng 07/2020

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ Tên	Chức vụ
Bà Phạm Thị Liên	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Quang Sơn	Thành viên
Bà Phạm Thu Quỳnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Lãnh đạo của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ Tên	Chức vụ
Bà Phạm Thị Thanh Hoa	Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH KPMG Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

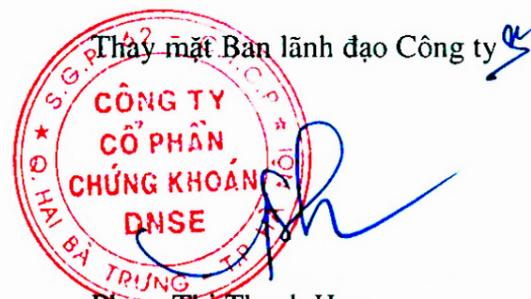
Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban lãnh đạo Công ty:

- › Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- › tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban lãnh đạo Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban lãnh đạo Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam) Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam) (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2022.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00122-22-1



Trần Anh Quân

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Lê Nhật Vương

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3849-2022-007-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

B02-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		2.284.352.633.759	170.846.189.624
I Tài sản tài chính	110		2.282.120.940.903	170.119.745.304
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	21.021.949.342	1.096.281.386
1.1 Tiền	111.1		684.350.376	96.281.386
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		20.337.598.966	1.000.000.000
2 Các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	7(a)	84.093.149.735	23.000.000.000
3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	882.871.000.000	82.433.183.562
4 Các khoản cho vay	114	7(c)	1.192.495.353.688	23.096.668.609
7 Các khoản phải thu	117	8	27.267.304.341	1.209.135.283
7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		27.267.304.341	1.209.135.283
7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		80.000	-
7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		27.267.224.341	1.209.135.283
8 Trả trước cho người bán	118	9	72.958.404.976	38.963.133.600
9 Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	8	1.263.733.107	285.063.750
12 Các khoản phải thu khác	122	8	150.045.714	36.279.114
II Tài sản ngắn hạn khác	130		2.231.692.856	726.444.320

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
II Tài sản ngắn hạn khác	130		2.231.692.856	726.444.320
1 Tạm ứng	131		1.245.969.599	230.755.929
3 Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10(a)	958.723.257	372.932.207
4 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		27.000.000	20.000.000
6 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	17	-	102.756.184
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		30.873.553.983	16.463.154.507
II Tài sản cố định	220		19.730.870.099	6.243.198.296
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.109.935.527	3.818.049.288
Nguyên giá	222		10.754.059.566	7.203.213.166
Giá trị hao mòn lũy kế	223a	12	(4.644.124.039)	(3.385.163.878)
3 Tài sản cố định vô hình	227		13.620.934.572	2.425.149.008
Nguyên giá	228		19.959.152.000	7.577.212.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(6.338.217.428)	(5.152.062.992)
V Tài sản dài hạn khác	250		11.142.683.884	10.219.956.211
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		454.369.866	600.438.935
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	2.059.257.597	1.416.448.334
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	13	8.629.056.421	8.203.068.942
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.315.226.187.742	187.309.344.131

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		1.256.658.460.895	23.222.139.893
I Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.255.363.148.949	22.549.563.993
1 Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	311		1.103.860.000.000	19.205.000.000
1.1 Vay ngắn hạn	312	14	684.350.376	96.281.386
4 Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	15	20.337.598.966	1.000.000.000
6 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	16	3.042.327.396	585.894.466
8 Phải trả người bán ngắn hạn	320		240.758.699	155.317.080
9 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		105.000.000	-
10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	17	16.276.099.887	529.860.014
11 Phải trả người lao động	323		6.625.382.468	256.356.841
12 Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		178.741.372	113.031.372
13 Chi phí phải trả ngắn hạn	325	18	3.509.111.042	1.664.338.143
17 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		1.525.509.689	39.547.681
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		218.396	218.396
II. Nợ phải trả dài hạn	340		1.295.311.946	672.575.900
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	19	1.295.311.946	672.575.900

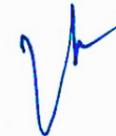
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.058.567.726.847	164.087.204.238
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.010.973.300	160.000.000.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.000.000.000.000	160.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.000.000.000.000	160.000.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	411.2		10.973.300	-
4 Quỹ dự trữ điều lệ	414		2.598.930.256	-
5 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		3.234.930.256	636.000.000
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		52.722.893.035	3.451.204.238
7.1 Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		47.541.645.254	760.900.638
7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		5.181.247.781	2.690.303.600
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		2.315.226.187.742	187.309.344.131

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
A TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6 Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006		100.000.000	16.000.000
8 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“TTLKCK”) của CTCK	008	20(a)	29.871.930.000	10.000.000.000
<i>a TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>008.1</i>		<i>29.871.880.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>e TSTC chờ thanh toán</i>	<i>008.5</i>		<i>50.000</i>	<i>-</i>
B TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH				
1 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư	021	20(b)	5.622.856.040.000	2.544.480.350.000
<i>a TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>5.388.961.590.000</i>	<i>2.437.435.370.000</i>
<i>b TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>		<i>3.210.350.000</i>	<i>3.180.350.000</i>
<i>c TSTC giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>		<i>160.136.380.000</i>	<i>82.100.130.000</i>
<i>e TSTC chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>		<i>70.547.720.000</i>	<i>21.764.500.000</i>
2 TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	20(c)	31.292.990.000	35.885.050.000
<i>a TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>		<i>31.292.990.000</i>	<i>35.885.050.000</i>
3 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	20(d)	99.658.510.000	19.066.850.000

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
7 Tiền gửi của khách hàng	026		444.947.269.061	166.722.387.928
7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	20(e)	434.671.888.135	113.728.858.808
7.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	20(e)	7.262.740	52.967.461.038
7.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	20(e)	10.268.118.186	26.068.082
<i>a Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>029.1</i>		<i>10.198.213.843</i>	<i>22.160.123</i>
<i>b Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>029.2</i>		<i>69.904.343</i>	<i>3.907.959</i>
8 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	20(f)	444.946.994.561	166.587.587.928
8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		444.237.551.749	166.583.443.118
8.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		709.442.812	4.144.810
12 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		274.500	134.800.000

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

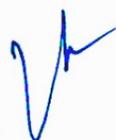
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2021 VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1		20.443.076.776	3.362.879.500
<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	<i>1.1</i>	<i>21(a)</i>	<i>17.225.004.940</i>	<i>-</i>
<i>b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	<i>1.2</i>	<i>21(b)</i>	<i>3.117.610.636</i>	<i>3.362.879.500</i>
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	<i>1.3</i>	<i>21(c)</i>	<i>100.461.200</i>	<i>-</i>
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2	21(c)	20.103.523.358	6.516.311.220
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3	21(c)	42.693.449.174	2.741.220.445
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6	21(d)	90.033.851.558	6.809.372.927
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	8	21(d)	5.296.806.499	831.142.544
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9	21(d)	1.543.034.825	682.256.485
1.10. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư tài chính	10	21(d)	50.000.000	440.736.000
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	21(d)	527.166.925	247.392.218
Cộng doanh thu hoạt động	20		180.690.909.115	21.631.311.339

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2021 VND
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		24.814.274.031	11.291.523
<i>a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	<i>21.1</i>	<i>22</i>	<i>24.747.970.416</i>	<i>5.989.500</i>
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	<i>21.2</i>	<i>21(b)</i>	<i>3.930.409</i>	<i>-</i>
<i>c. Chi phí giao dịch mua các TSTC thông qua lãi/lỗ</i>	<i>21.3</i>		<i>62.373.206</i>	<i>5.302.023</i>
2.4. Chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	23	21.234.536.964	1.304.289.868
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		7.000.000	20.766.648
2.7. Chi phí môi giới chứng khoán	27		51.491.686.802	9.305.574.327
2.8. Chi phí tư vấn, đầu tư chứng khoán	28		-	240.009.377
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1.468.615.288	746.288.648
2.12. Chi phí hoạt động khác	32		1.587.197.870	392.545.324
Cộng chi phí hoạt động	40		100.603.310.955	12.020.765.715
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện			4.962.705	-
3.2. Doanh thu lãi tiền gửi phát sinh trong năm	42	24	768.378.459	146.881.126
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		773.341.164	146.881.126

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2021 VND
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.2. Chi phí lãi vay	52		2.723.326.027	71.342.466
4.4. Chi phí tài chính khác	52		106.182.796	-
Cộng chi phí tài chính	60		2.829.508.823	71.342.466
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK	62	25	14.861.502.475	6.832.453.901
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 62)	70		63.169.928.026	2.853.630.383
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	26	5.145.830.869	69.989.928
8.2. Chi phí khác	72		189.767.093	98.400.000
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		4.956.063.776	(28.410.072)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		68.125.991.802	2.825.220.311
9.1. Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	91		65.012.311.575	(537.659.189)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		3.113.680.227	3.362.879.500
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		13.656.442.493	672.575.900
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	27	13.033.706.447	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	27	622.736.046	672.575.900
XI. "LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)"	200		54.469.549.309	2.152.644.411

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B03-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Lợi nhuận trước thuế	1		68.125.991.802	2.825.220.311
2 Điều chỉnh cho các khoản	2		(6.053.766.319)	613.998.589
Khấu hao tài sản cố định	3		2.445.114.597	813.920.799
Chi phí lãi vay	6		2.723.326.027	71.342.466
Lãi từ hoạt động đầu tư	7		(768.378.459)	(146.881.126)
Dự thu tiền lãi	8		(10.453.828.484)	(124.383.550)
3 Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		3.930.409	-
Lỗi đánh giá lại giá trị TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11		3.930.409	-
4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(3.117.610.636)	(3.362.879.500)
Lãi đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	19		(3.117.610.636)	(3.362.879.500)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2021 VND
5 Thay đổi vốn lưu động	30		(2.068.534.442.659)	(4.081.168.142)
(Tăng)/giảm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31		(57.979.469.508)	1.029.706.500
(Tăng)/giảm các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		(800.437.816.438)	28.466.816.438
(Tăng)/giảm các khoản cho vay	33		(1.169.398.685.079)	141.232.938
(Tăng)/giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(15.604.340.574)	5.679.817.516
(Tăng)/giảm các khoản phải thu về các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(978.669.357)	444.011.647
Tăng các khoản phải thu khác	39		(34.116.037.976)	(38.965.787.864)
Tăng các tài sản khác	40		(1.015.213.670)	(207.354.929)
Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		22.317.139.704	2.870.798.564
Tăng chi phí trả trước	42		(1.228.600.313)	(1.123.663.800)
Thuế TNDN đã nộp	43		(11.480.094.130)	(108.889.588)
Lãi vay đã trả	44		(23.195.692.832)	(1.375.270.958)
Tăng phải trả cho người bán	45		85.441.619	106.560.831
Tăng các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	46		65.710.000	14.098.396
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		14.295.383.740	147.362.122
Tăng/(giảm) phải trả người lao động	48		6.369.025.627	(480.965.566)
Tăng phải trả, phải nộp khác	50		4.047.394.938	259.355.253
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(279.918.410)	(978.995.642)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(2.009.575.897.403)	(4.004.828.742)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2021 VND
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61		(15.932.786.400)	(6.437.057.600)
5 Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		768.378.459	146.881.126
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(15.164.407.941)	(6.290.176.474)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	71		840.010.973.300	-
3 Tiền thu từ đi vay	73		3.928.876.593.709	374.300.989.000
3.2. <i>Tiền vay khác</i>	73.2		3.928.876.593.709	374.300.989.000
4 Tiền trả nợ gốc vay	74		(2.724.221.593.709)	(368.015.989.000)
4.3. <i>Tiền chi trả gốc nợ vay khác</i>	74.3		(2.724.221.593.709)	(368.015.989.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		2.044.665.973.300	6.285.000.000
IV Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90		19.925.667.956	(4.010.005.216)
V Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101		1.096.281.386	5.106.286.602
Tiền	101.1		96.281.386	106.286.602
Các khoản tương đương tiền	101.2		1.000.000.000	5.000.000.000
VI Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101)	103	5	21.021.949.342	1.096.281.386
Tiền	103.1		684.350.376	96.281.386
Các khoản tương đương tiền	103.2		20.337.598.966	1.000.000.000

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

	Mã số	2021 VND	2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1 Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	1	23.205.913.410.400	1.805.400.319.840
2 Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	2	(32.693.100.653.700)	(2.849.100.177.958)
7 Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	7	25.857.815.029.185	4.571.207.017.136
8 Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	8	(16.090.811.038.492)	(3.431.857.593.779)
11 Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(1.356.879.560)	(1.126.268.132)
14 Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	50.835.884.658	19.227.498.886
15 Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(51.070.871.358)	(19.092.698.886)
Tăng tiền thuần trong năm	20	278.224.881.133	94.658.097.107

	Mã số	2021 VND	2021 VND
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	166.722.387.928	72.064.290.821
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	166.722.387.928	72.064.290.821
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	113.728.858.808	18.761.265.579
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	52.967.461.038	52.993.366.153
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	26.068.082	309.659.089
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	444.947.269.061	166.722.387.928
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	444.947.269.061	166.722.387.928
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	434.671.888.135	113.728.858.808
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	7.262.740	52.967.461.038
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	10.268.118.186	26.068.082

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B04-CTCK

	Số dư đầu năm			Số tăng/giảm			Số dư cuối năm	
	1/1/2020	1/1/2021	2020	2021		31/12/2020	31/12/2021	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	160.000.000.000	160.000.000.000	-	-	840.010.973.300	-	160.000.000.000	1.000.010.973.300
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	160.000.000.000	160.000.000.000	-	-	840.000.000.000	-	160.000.000.000	1.000.000.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	10.973.300	-	-	10.973.300
3 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	2.598.930.256	-	-	2.598.930.256
4 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	636.000.000	636.000.000	-	-	2.598.930.256	-	636.000.000	3.234.930.256
8 Lợi nhuận chưa phân phối	1.298.559.827	3.451.204.238	10.084.037.860	(7.931.393.449)	54.469.549.309	(5.197.860.512)	3.451.204.238	52.722.893.035
8.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	8.692.294.087	760.900.638	-	(7.931.393.449)	51.978.605.128	(5.197.860.512)	760.900.638	47.541.645.254
8.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(7.393.734.260)	2.690.303.600	10.084.037.860	-	2.490.944.181	-	2.690.303.600	5.181.247.781
TỔNG CỘNG	161.934.559.827	164.087.204.238	10.084.037.860	(7.931.393.449)	899.678.383.121	(5.197.860.512)	164.087.204.238	1.058.567.726.847

Người lập:


Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởngPhạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 62/UBCK-GP được cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2007 tại Việt Nam. Ngày 18 tháng 8 năm 2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh về việc thay đổi tên của Công ty. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 86/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, Số 63-65 Ngô Thì Nhậm, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một (1) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (1/1/2021: không có chi nhánh).

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật lần gần nhất vào ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021
1.000.000.000.000 VND	160.000.000.000 VND

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021
50 nhân viên	23 nhân viên

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Tài sản và nợ phải trả tài chính

Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Xem Thuyết minh 3(c);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 3(e).

Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

Tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp)

Xác định và đánh giá suy giảm giá trị

Cuối kỳ kế toán năm, Công ty đánh giá liệu có các bằng chứng khách quan rằng các TSTC không thuộc nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ bị suy giảm giá trị hay không. Một TSTC hoặc một nhóm các TSTC được xem là suy giảm giá trị khi có các bằng chứng khách quan cho thấy có một sự kiện xảy ra sau khi tài sản được ghi nhận ban đầu và sự kiện này có ảnh hưởng đến các dòng tiền trong tương lai từ tài sản này có thể ước tính một cách tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các TSTC bị suy giảm giá trị bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các TSTC kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Nếu có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về suy giảm giá trị của TSTC thì Công ty sẽ phải xác định giá trị của khoản lỗ do suy giảm giá trị (nếu có) của TSTC này và ghi nhận khoản lỗ suy giảm giá trị đó vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động. Trong trường hợp nếu TSTC được đánh giá là đã khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

Tiền và các khoản đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền gửi của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ▶ TSTC được Ban lãnh đạo phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ. TSTC được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ, nếu:
 - TSTC được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh TSTC đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

- ▶ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty chỉ định TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các TSTC này.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các TSTC này sẽ được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

§ các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

§ các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc

§ các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin của khách hàng và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC (Thuyết minh 3(a)(v)).

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng dựa vào thời gian quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tài sản cố định hữu hình*Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Các quỹ dự trữ pháp định

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo quyết định của Ban lãnh đạo.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về vốn, tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mức trích lập hàng năm được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Doanh thu và thu nhập*Lãi/lỗ từ bán các TSTC*

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Thu nhập tiền lãi bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và từ các khoản đầu tư HTM, lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, doanh thu đại lý phát hành chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán và doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Chi phí lãi vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 210 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**Tổng quan**

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Ban lãnh đạo theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	21.021.949.342	1.096.281.386
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	882.871.000.000	82.433.183.562
Các khoản cho vay	(iii)	1.192.495.353.688	23.096.668.609
Các khoản phải thu	(iii)	27.267.304.341	1.209.135.283
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	(iii)	1.263.733.107	285.063.750
Các khoản phải thu khác	(iii)	150.045.714	36.279.114
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(iii)	27.000.000	20.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	(iii)	454.369.866	600.438.935
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iv)	8.629.056.421	8.203.068.942
		2.134.179.812.479	116.980.119.581

Rủi ro tín dụng

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Ban lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Các khoản cho vay, các khoản phải thu, các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được của khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau. Do đó, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Không có khoản phải thu nào quá hạn tại thời điểm cuối năm.

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B09-CTCK

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31/12/2021

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	1.103.860.000.000	1.105.860.108.849	1.105.860.108.849
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	120.000.000.000	122.692.602.740	122.692.602.740
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.042.327.396	3.042.327.396	3.042.327.396
Phải trả người bán ngắn hạn	240.758.699	240.758.699	240.758.699
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.509.111.042	3.509.111.042	3.509.111.042
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	1.525.509.689	1.525.509.689	1.525.509.689
	1.232.177.706.826	1.236.870.418.415	1.236.870.418.415

Tại ngày 01/01/2021

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	19.205.000.000	19.223.338.143	19.223.338.143
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	585.894.466	585.894.466	585.894.466
Phải trả người bán ngắn hạn	155.317.080	155.317.080	155.317.080
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.664.338.143	1.664.338.143	1.664.338.143
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	39.547.681	39.547.681	39.547.681
	21.650.097.370	21.668.435.513	21.668.435.513

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có tài sản/nợ phải trả chịu rủi ro tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.021.949.342	1.096.281.386
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	882.871.000.000	82.433.183.562
Các khoản cho vay	1.192.495.353.688	23.096.668.609
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	8.629.056.421	8.203.068.942
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	(1.103.860.000.000)	(19.205.000.000)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	(120.000.000.000)	-
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định	881.157.359.451	95.624.202.499

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban lãnh đạo Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Công ty là 84.093.149.735 VND (1/1/2021: 23.000.000.000 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 13% tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với tất cả các biến số khác không thay đổi lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng hoặc giảm tương ứng 8.745.687.572 VND (1/1/2021: 1.840.000.000 VND).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng	681.446.916	93.257.618
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	2.903.460	3.023.768
Các khoản tương đương tiền (i)	20.337.598.966	1.000.000.000
	21.021.949.342	1.096.281.386

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 4%/năm (1/1/2021: 3,7%/năm).

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	2021		2020	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện
	Đơn vị	VND	Đơn vị	VND
Của Công ty	13.632.532	399.997.741.365	1.410.885	50.622.807.319
<i>Cổ phiếu</i>	13.632.532	399.997.741.365	1.160.885	20.865.958.000
<i>Trái phiếu</i>	-	-	250.000	29.756.849.319
Của Nhà đầu tư	1.891.489.181	57.048.421.565.065	368.708.192	5.553.568.039.786
<i>Cổ phiếu</i>	1.891.489.181	57.048.421.565.065	368.708.192	5.553.568.039.786
		57.448.419.306.430		5.604.190.847.105

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

TSTC ghi nhận
thông qua lãi/lỗ

	31/12/2021		01/01/2021		Giá trị ghi sổ VND
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	
Cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch					
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín</i>	67.559.162.060	71.851.500.000	71.851.500.000	-	-
<i>Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần</i>	9.818.000.000	11.970.000.000	11.970.000.000	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam</i>	22.105.521	24.622.800	24.622.800	19.637.120.500	23.000.000.000
<i>Các cổ phiếu khác</i>	217.322.427	247.026.935	247.026.935	-	-
	77.616.590.008	84.093.149.735	84.093.149.735	19.637.120.500	23.000.000.000

Các khoản đầu tư
nắm giữ đến
ngày đáo hạn

(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 3,9% đến 5,9%/năm (1/1/2021: 4,1% đến 6,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để cầm cố cho các khoản vay với tổng giá trị là 883.208.598.966 VND (1/1/2021: 18.205.000.000 VND) (Thuyết minh 14).

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm (i)	882.871.000.000	82.433.183.562

Các khoản cho vay

	31/12/2021 VND		1/1/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay ký quỹ	1.107.025.517.980	(*)	16.583.235.754	(*)
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	85.469.835.708	(*)	6.513.432.855	(*)
	1.192.495.353.688	(*)	23.096.668.609	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các khoản phải thu và tiền lãi các tài sản tài chính	27.267.304.341	1.209.135.283
<i>Dự thu lãi tiền gửi – tiền gửi có kỳ hạn cố định</i>	16.813.395.857	1.084.751.733
<i>Dự thu tiền lãi hoạt động cho vay ký quỹ</i>	10.418.254.901	121.541.525
<i>Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	35.573.583	2.842.025
<i>Phải thu cổ tức</i>	80.000	-
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	1.263.733.107	285.063.750
<i>Phải thu hoạt động tư vấn</i>	792.514.092	-
<i>Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư</i>	471.219.015	285.063.750
Các khoản thu khác	150.045.714	36.279.114
	28.681.083.162	1.530.478.147

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Encapital	72.028.060.000	38.713.185.600
Trả trước cho người bán khác	930.344.976	249.948.000
	72.958.404.976	38.963.133.600

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí khác	958.723.257	372.932.207

Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí hệ thống nội thất	549.989.337	545.011.342
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.509.268.260	871.436.992
	2.059.257.597	1.416.448.334

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	7.203.213.166	7.203.213.166
Mua trong năm	2.696.883.400	853.963.000	3.550.846.400
Số dư cuối năm	2.696.883.400	8.057.176.166	10.754.059.566
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	3.385.163.878	3.385.163.878
Khấu hao trong năm	225.988.841	1.032.971.320	1.258.960.161
Số dư cuối năm	225.988.841	4.418.135.198	4.644.124.039
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	3.818.049.288	3.818.049.288
Số dư cuối năm	2.470.894.559	3.639.040.968	6.109.935.527

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 2.964 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 2.369 triệu VND).

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thiết bị văn phòng 2020 VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	5.022.287.802
Tăng trong năm	3.964.845.600
Thanh lý trong năm	(1.783.920.236)
Số dư cuối năm	7.203.213.166
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	4.546.254.824
Khấu hao trong năm	622.829.290
Thanh lý trong năm	(1.783.920.236)
Số dư cuối năm	3.385.163.878
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	476.032.978
Số dư cuối năm	3.818.049.288

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	
	2021 VND	2020 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	7.577.212.000	5.105.000.000
Mua trong năm	12.381.940.000	2.472.212.000
Số dư cuối năm	19.959.152.000	7.577.212.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	5.152.062.992	4.960.971.483
Khấu hao trong năm	1.186.154.436	191.091.509
Số dư cuối năm	6.338.217.428	5.152.062.992
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	2.425.149.008	144.028.517
Số dư cuối năm	13.620.934.572	2.425.149.008

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 5.010 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 5.010 triệu VND).

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Các khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.192.149.379	5.243.902.219
Tiền lãi phân bổ trong năm	3.316.907.042	2.839.166.723
	8.629.056.421	8.203.068.942

14. VAY NGẮN HẠN

	1/1/2021	Biến động trong năm		31/12/2021
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngân hàng (i)				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	15.720.000.000	943.042.000.000	(768.642.000.000)	190.120.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà	1.900.000.000	596.883.125.000	(403.803.125.000)	194.980.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Public Bank Việt Nam	585.000.000	324.016.999.999	(219.601.999.999)	105.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	-	289.560.000.000	(240.060.000.000)	49.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Ba Đình	-	783.174.468.710	(662.474.468.710)	120.700.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	90.000.000.000	(90.000.000.000)	-
Vay khác (ii)				
Vay tổ chức	-	188.500.000.000	(54.000.000.000)	134.500.000.000
Vay cá nhân	1.000.000.000	493.700.000.000	(285.640.000.000)	239.060.000.000
	19.205.000.000	3.808.876.593.709	(2.724.221.593.709)	1.103.860.000.000

(i) Các khoản vay thấu chi và khoản vay tín dụng từ các Ngân hàng với lãi suất từ 4 % đến 7,4%/năm, có tài sản đảm bảo là doanh thu từ sản xuất, kinh doanh và các hợp đồng tiền gửi/ chứng chỉ tiền gửi tại các Ngân hàng với tổng giá trị là 883.208.598.966 VND (1/1/2021: 18.205.000.000 VND).

(ii) Các khoản vay khác từ các công ty và cá nhân với lãi suất từ 9% đến 16%/năm, không có tài sản đảm bảo.

15. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH NGẮN HẠN

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, Công ty phát hành 1.200.000 trái phiếu riêng lẻ không có tài sản đảm bảo, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn 12 tháng và 1 ngày, trả lãi 3 tháng/lần với mức lãi suất cố định là 10,5%/năm.

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	2.853.871.317	521.590.962
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	188.456.079	64.303.504
	3.042.327.396	585.894.466

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN (PHẢI THU)/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	10.129.646	71.636.745	(26.404.335)	55.362.056
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(102.756.184)	13.033.706.447	(11.480.094.130)	1.450.856.133
Thuế thu nhập cá nhân	519.730.368	29.537.138.104	(15.286.986.774)	14.769.881.698
Các loại thuế khác	-	132.885.966	(132.885.966)	-
	427.103.830	42.775.367.262	(26.926.371.205)	16.276.099.887

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	9.433.645	43.907.750	(43.211.749)	10.129.646
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.133.404	-	(108.889.588)	(102.756.184)
Thuế thu nhập cá nhân	319.125.411	2.649.062.433	(2.448.457.476)	519.730.368
Các loại thuế khác	53.938.836	-	(53.938.836)	-
	388.631.296	2.692.970.183	(2.654.497.649)	427.103.830

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	(102.756.184)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.276.099.887	529.860.014

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi dự trả cho trái phiếu phát hành	2.692.602.740	-
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	780.508.302	18.338.143
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	36.000.000	1.646.000.000
	3.509.111.042	1.664.338.143

19. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.295.311.946	672.575.900
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.295.311.946	672.575.900

	01/01/2021 VND	ĐƯỢC GHI NHẬN TRỌNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VND	31/12/2021 VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ khác	3.362.879.500	3.113.680.227	6.476.559.727

20. CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG**TSTC niêm yết/dăng ký giao dịch tại TTLKCK của Công ty chứng khoán**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	2.987.193	29.871.930.000	1.000.000	10.000.000.000

TSTC niêm yết/dăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư

	31/12/2021		01/01/2021	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	538.896.159	5.388.961.590.000	243.743.537	2.437.435.370.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	321.035	3.210.350.000	318.035	3.180.350.000
TSTC giao dịch cầm cố	16.013.638	160.136.380.000	8.210.013	82.100.130.000
TSTC chờ thanh toán	7.054.772	70.547.720.000	2.176.450	21.764.500.000
		5.622.856.040.000		2.544.480.350.000

TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2021		01/01/2021	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	3.129.299	31.292.990.000	3.588.505	35.885.050.000

TSTC chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2021		01/01/2021	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	9.965.851	99.658.510.000	1.906.685	19.066.850.000

Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	434.671.888.135	113.728.858.808
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>434.671.888.135</i>	<i>113.728.858.808</i>
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	7.262.740	52.967.461.038
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	10.268.118.186	26.068.082
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>10.198.213.843</i>	<i>22.160.123</i>
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>69.904.343</i>	<i>3.907.959</i>
	444.947.269.061	166.722.387.928

Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>444.237.551.749</i>	<i>166.583.443.118</i>
<i>Của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>709.442.812</i>	<i>4.144.810</i>
	444.946.994.561	166.587.587.928

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG**Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ****2021**

	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	3.152.200	28.894	91.079.470.000	73.866.135.800	17.213.334.200
Chứng chỉ tiền gửi	1	142.011.670.740	142.011.670.740	142.000.000.000	11.670.740
			233.091.140.740	215.866.135.800	17.225.004.940

Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ**2021**

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ					
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	67.559.162.060	71.851.500.000	4.292.337.940	-	4.292.337.940
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.818.000.000	11.970.000.000	2.152.000.000	-	2.152.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	22.105.521	24.622.800	2.517.279	3.362.879.500	(3.360.362.221)
Các cổ phiếu khác	217.322.427	247.026.935	29.704.508	-	29.704.508
	77.616.590.008	84.093.149.735	6.476.559.727	3.362.879.500	3.113.680.227
Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:					
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính					3.117.610.636
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính					(3.930.409)
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm					3.113.680.227

2020

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ					
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>					
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	19.637.120.500	23.000.000.000	3.362.879.500	-	3.362.879.500
	19.637.120.500	23.000.000.000	3.362.879.500	-	3.362.879.500
Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:					
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính					3.362.879.500
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính					-
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm					3.362.879.500

Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

	2021 VND	2020 VND
Từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	100.461.200	-
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.103.523.358	6.516.311.220
Từ các khoản cho vay và phải thu	42.693.449.174	2.741.220.445
	62.897.433.732	9.257.531.665

Doanh thu ngoài thu nhập từ các TSTC

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	90.033.851.558	6.809.372.927
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	5.296.806.499	831.142.544
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.543.034.825	682.256.485
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư tài chính	50.000.000	440.736.000
Thu nhập hoạt động khác	527.166.925	247.392.218
	97.450.859.807	9.010.900.174

22. LỖ BÁN CÁC TSTC GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ**2021**

	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.324.000	27.525	63.968.400.000	88.400.000.000	(24.431.600.000)
Cổ phiếu niêm yết	300.300	29.299	8.798.540.000	9.001.750.543	(203.210.543)
Chứng chỉ tiền gửi	50.105	9.142.447	458.082.292.041	458.195.451.914	(113.159.873)
			530.849.232.041	555.597.202.457	(24.747.970.416)

2021

	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn VND	Chênh lệch đánh giá lại TSTC năm trước VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.943.200	10.000	19.432.000.000	19.432.000.000	-	-
Cổ phiếu niêm yết	160.885	7.638	1.228.837.500	8.628.561.260	7.393.734.260	(5.989.500)
			20.660.837.500	28.060.561.260	7.393.734.260	(5.989.500)

23. CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	2021 VND	2020 VND
Chi phí đi vay cho hoạt động ký quỹ	21.234.536.964	1.304.289.868

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	768.378.459	146.881.126
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	4.962.705	-
	773.341.164	146.881.126

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	8.560.021.392	2.278.610.699
Chi phí vật tư văn phòng	533.594.950	131.953.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.222.538	19.625.573
Chi phí thuế, phí và lệ phí	229.309.600	33.394.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.798.370.654	4.024.705.673
Chi phí khác	672.983.341	344.163.728
	14.861.502.475	6.832.453.901

26. THU NHẬP KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Tiền phạt thu được từ đối tác	5.145.810.959	69.534.247
Các khoản khác	19.910	455.681
	5.145.830.869	69.989.928

27. THUẾ THU NHẬP**Ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	13.033.706.447	-
Chi phí TNDN hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	622.736.046	672.575.900
Chi phí thuế TNDN	13.656.442.493	672.575.900

Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	68.125.991.802	2.825.220.311
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.625.198.360	565.044.062
Chi phí không được khấu trừ thuế	51.336.373	107.531.838
Thu nhập không bị tính thuế	(20.092.240)	-
	13.656.442.493	672.575.900

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

28. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Số dư tại ngày	
	31/12/2021 Phải thu/(phải trả) VND	1/1/2021 Phải thu/(phải trả) VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital (Cổ đông lớn)		
Trả trước cho nhà cung cấp	72.028.060.000	36.463.185.600

	Giá trị giao dịch Thu nhập/(chi phí)	
	2021 VND	2020 VND

Công ty Cổ phần Encapital Holdings (Cổ đông lớn)

Thu nhập khác	-	69.534.247
Chi phí khác	-	-

Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital (Cổ đông lớn)

Thu nhập khác	4.229.597.261	-
Chi phí quản trị hệ thống	(9.000.000.000)	-
Chi phí mua phần mềm	(11.471.940.000)	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, và Ban kiểm soát

Lương thưởng của Tổng Giám đốc	(1.182.260.000)	(672.996.495)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	(98.400.000)

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trong vòng 1 năm	1.749.547.372	1.789.027.562
Từ 2 – 5 năm	657.632.640	2.297.574.572
	2.407.180.012	4.086.602.134

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 9 tháng 2 năm 2022, Công ty nhận được Quyết định số 617/UBCK-QLKD ngày 8 tháng 2 năm 2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Theo đó, Công ty được thực hiện chào bán 200.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu để thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03.1/2021/NQ-DNSE-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2022/NQ-DNSE-HĐQT ngày 12 tháng 1 năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2022/NQ-DNSE-HĐQT ngày 26 tháng 1 năm 2022. Thời hạn đăng ký mua cổ phần là từ ngày 24 tháng 2 năm 2022 đến ngày 16 tháng 3 năm 2022 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2022/NQ-DNSE-HĐQT ngày 24 tháng 2 năm 2022.

31. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm
Kế toán

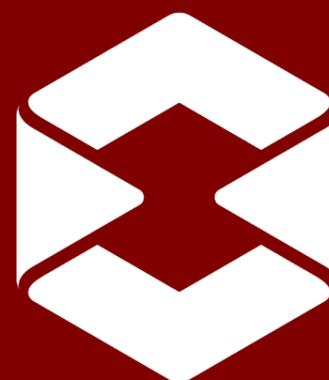
Người duyệt:



Nguyễn Thị Duyên
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa
Tổng Giám đốc



DNSE

ĐƠN GIẢN HÓA ĐẦU TƯ CHO NGƯỜI VIỆT